

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

NGUYỄN DUY THỤY

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH AN GIANG

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

NGUYỄN DUY THỤY

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH AN GIANG

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. VŨ THƯ

HÀ NỘI - 2017

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH</b> .....	<b>7</b>
1.1. Khái niệm và vai trò của quản lý nhà nước về hộ tịch .....	7
1.2. Nội dung và hình thức, phương pháp quản lý nhà nước về hộ tịch .....	14
1.3. Các nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về hộ tịch .....	17
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH TẠI TỈNH AN GIANG</b> .....	<b>23</b>
2.1. Khái quát chung về tỉnh An Giang .....	23
2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch ở An Giang .....	24
2.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay .....	43
<b>Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH</b> .....	<b>61</b>
3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay .....	61
3.2. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay .....	62
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch ở tỉnh An Giang .....	65
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>80</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>81</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hộ tịch là những sự kiện xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến lúc chết. Các sự kiện này bao gồm: sinh; tử; kết hôn/công nhận việc kết hôn; giám hộ, thay đổi/chấm dứt giám hộ; cha/mẹ nhận con hoặc con nhận cha/mẹ; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch (thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin về nhân thân), xác định lại dân tộc; nuôi con nuôi/chấm dứt việc nuôi con nuôi; xác định cha, mẹ, con theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); xác định lại giới tính; ly hôn/hủy việc kết hôn trái pháp luật; tuyên bố/hủy tuyên bố mất tích hoặc chết hoặc mất/hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Quản lý hộ tịch là nhiệm vụ quan trọng luôn được các quốc gia quan tâm thực hiện. Thông qua hoạt động này, nhà nước xác lập cơ sở pháp lý để công nhận và bảo hộ các quyền cơ bản của con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, đồng thời có biện pháp quản lý dân cư một cách khoa học, phục vụ thiết thực cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước. Tại hầu hết các nước, tất cả các sự kiện hộ tịch của con người từ khi sinh ra đến khi chết đều được đăng ký.

Ở nước ta, vấn đề đăng ký và quản lý hộ tịch có lịch sử từ khá lâu (thời nhà Trần). Thời kỳ phong kiến, thực dân, bên cạnh vấn đề quản lý đất đai (“điền”), thì vấn đề quản lý hộ tịch - con người (“đình”) là vấn đề trọng yếu của nhà nước, luôn được quan tâm quản lý, thực hiện. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ý thức được tầm quan trọng của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, Nhà nước ta đã chú trọng vấn đề quản lý nhà nước về hộ tịch. Tại Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến Bản Điều lệ hộ tịch năm 1956 ban hành kèm theo Nghị định số 764/TTg ngày 08/5/1956 của Chính phủ; tiếp theo đó là Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch năm 1961 ban hành kèm theo Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1961.

Trong những năm gần đây, căn cứ vào quy định của Bộ luật Dân sự (1995, 2005, 2015), Luật hôn nhân và gia đình (1986, 2000, 2014) và các văn bản liên quan khác, đến trước năm 2015, Chính phủ đã ban hành tổng cộng 08 Nghị định

điều chỉnh lĩnh vực hộ tịch, cả việc hộ tịch trong nước và việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Thực hiện các văn bản nêu trên, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở nước ta đã có những bước phát triển ổn định, đạt được những kết quả quan trọng, hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch và đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch từ Trung ương đến cơ sở được củng cố, kiện toàn, hoạt động dần đi vào nề nếp, tương đối hiệu quả, giải quyết được cơ bản yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân, trong đó nhiều việc có yếu tố nước ngoài. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch từng bước được đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho người dân; dữ liệu hộ tịch được hình thành với hệ thống sổ sách hộ tịch được lưu trữ, sử dụng lâu dài; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký hộ tịch được triển khai ở nhiều địa phương...

Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước bước sang giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế ở mức độ cao hơn, thì công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, gây khó khăn, phiền hà cho người dân. Mặt khác, làm giảm hiệu quả quản lý dân cư, quản lý nhà nước và xã hội, ảnh hưởng đến vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ, trình Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Hộ tịch tại kỳ họp thứ 8 ngày 20/11/2014.

Đây là lần đầu tiên có văn bản ở tầm Luật quy định riêng về lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch sau hơn 60 năm thực hiện bằng các văn bản dưới Luật do Chính phủ ban hành. Luật có nhiều quy định mới, mang tính đột phá, “cách mạng” về: thẩm quyền đăng ký hộ tịch, phương thức đăng ký, quản lý hộ tịch, cải cách mạnh thủ tục hành chính... Trong đó, có quy định mới, cụ thể về vai trò của ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tư pháp cấp tỉnh đối với hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký hộ tịch. Nhưng, quản lý nhà nước về hộ tịch vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần được tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả.

Từ những trình bày trên, học viên chọn Đề tài ***“Quản lý Nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh An Giang”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Luật. Qua nghiên cứu thực tiễn quản lý hộ tịch ở một địa phương, luận văn cố gắng rút ra những kết

luận, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Có thể khẳng định quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động khó khăn và phức tạp đòi hỏi nhà quản lý phải có hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn và cần thiết hơn đó là sự thông thạo về đặc điểm dân cư, tập quán, truyền thống, văn hóa, trình độ phát triển của địa phương thực hiện hoạt động quản lý. Có như vậy nhà quản lý mới có thể áp dụng pháp luật một cách linh hoạt, và đưa ra được những quyết định quản lý phù hợp, mang lại hiệu quả cao.

Đề tài hộ tịch và pháp luật về hộ tịch từ lâu đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học cũng như những nhà quản lý chuyên môn trong công tác hộ tịch. Đề tài này được khai thác ở nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau qua các công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

- Hoàng Anh, “*Các quy định về đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam*” [2].

- Lê Viết Thiện, “*Vai trò của công chức Tư pháp - hộ tịch xã trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật ở Việt Nam hiện nay*” [44].

- Lê Thị Minh Hiếu, “*Thực hiện pháp luật về hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay*” [20].

- Bùi Thị Tư, “*Quản lý hộ tịch - Qua thực tiễn ở Hải Phòng*” [48].

- Nguyễn Thị Lại, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*” [25].

- Trương Thị Vân Anh, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, thực tiễn ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội*” [3].

Và một số bài viết, công trình nghiên cứu khác được đăng trên các ấn phẩm báo chí như:

Lê Thị Minh Long, “*Một số ý kiến về việc triển khai thi hành Luật hộ tịch*” [28].

Nguyễn Công Khanh, “*Triển khai thi hành Luật hộ tịch một trong những biện pháp quan trọng bảo đảm thực thi quyền con người theo Hiến pháp năm 2013*” [24].

Đình Ngọc Giang, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch ở nước ta hiện nay*” [19].

Cục lãnh sự Bộ ngoại giao, “*Kinh nghiệm thực tiễn và một số kiến nghị về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*” [17].

Nguyễn Ngọc Bích, “*Thẩm quyền đăng ký hộ tịch theo Luật Hộ tịch và vấn đề thực hiện*” [6]...

Tóm lại, thông qua những công trình nghiên cứu chính nêu trên, có thể thấy các công trình nghiên cứu đã nhấn mạnh những khía cạnh pháp lý liên quan đến quản lý hộ tịch. Những phân tích, đánh giá của các tác giả là những kinh nghiệm quý báu cho việc hoàn thiện pháp luật quản lý nhà nước về hộ tịch. Tuy nhiên, tất cả các bài nghiên cứu cũng như công trình nêu trên đều dưới dạng công trình định hướng nghiên cứu từ lý luận cho đến thực tiễn, từ tổng thể cho đến từng khía cạnh liên quan đến quản lý hộ tịch, chưa có một công trình nghiên cứu thực tiễn về quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn trước và sau khi có Luật Hộ tịch. Việc phân tích và nhận định sâu hơn các vấn đề quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn cụ thể là tỉnh An Giang hiện nay là vấn đề cần được khai thác, nghiên cứu và thực hiện một cách hợp lý, linh hoạt nhằm đạt được hiệu quả thực hiện công tác quản lý hộ tịch tại tỉnh An Giang nói riêng và trên cả nước nói chung một cách tốt nhất. Điều này cho phép tác giả có cơ sở khẳng định tính cấp thiết của vấn đề này trong đề tài luận văn của mình.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Mục đích của đề tài là dựa trên kiến thức lý luận để nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến quản lý hộ tịch, tìm hiểu thực tiễn áp dụng luật thực định về quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang. Từ đó, tìm hiểu những quy định bất cập, chưa cụ thể, trên cơ sở đó có những nhận xét, kiến nghị về hướng giải quyết các vấn

đề pháp lý về quản lý hộ tịch cũng như giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hộ tịch tại tỉnh An Giang.

### **3.2. Nhiệm vụ**

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài có những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xác định nội dung và làm rõ một số vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm có liên quan tới hoạt động quản lý hộ tịch như: Khái niệm hộ tịch, khái niệm và đặc điểm về quản lý nhà nước về hộ tịch; Vai trò của quản lý nhà nước về hộ tịch và các vấn đề lý luận chung khác.

- Phân tích, làm rõ các hạn chế, bất cập, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch tại tỉnh An Giang.

- Từ những vướng mắc, bất cập giữa lý luận và thực trạng về quản lý hộ tịch tại An Giang để đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về Hộ tịch ở Việt Nam trong thời gian tới cũng như nâng cao hiệu quả quản lý hộ tịch tại tỉnh An Giang nói riêng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu của đề tài*

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài là cơ chế quản lý hộ tịch của Nhà nước ta, những quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý về hộ tịch, được áp dụng trên thực tiễn tại các cơ quan có thẩm quyền thuộc các cấp hành chính của tỉnh An Giang.

*Phạm vi nghiên cứu của đề tài*

Về phạm vi không gian luận văn nghiên cứu công tác quản lý nhà nước về Hộ tịch tại các cấp hành chính thuộc địa bàn tỉnh An Giang.

Về phạm vi thời gian luận văn tập trung phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật và thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch tại tỉnh An Giang từ năm 2011 đến 6 tháng đầu năm 2016 (thời điểm Luật Hộ tịch có hiệu lực được 6 tháng).



## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu dựa trên các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử theo quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin: Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, đồng thời giữa chúng có mối liên hệ biện chứng. Pháp luật là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng xã hội, được hình thành từ một cơ sở hạ tầng phù hợp. Pháp luật được coi là tấm gương phản chiếu xã hội, còn về phần mình, xã hội được coi là cơ sở thực tiễn của pháp luật. Về lý thuyết và thực tiễn cho thấy, các quy định của pháp luật phù hợp với sự phát triển của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội thì mới có tính khả thi trong quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật; từ đó tạo cơ sở cho xã hội ổn định và phát triển.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu phổ biến như: Phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp thống kê.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch là một hình thức hoạt động của quản lý nhà nước do các chủ thể có thẩm quyền thực hiện trên cơ sở pháp luật và để thi hành pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận văn được kết cấu thành 3 chương, cụ thể:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về hộ tịch.

**Chương 2:** Thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch tại tỉnh An Giang.

**Chương 3:** Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về hộ tịch.

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH

#### 1.1. Khái niệm và vai trò của quản lý nhà nước về hộ tịch

##### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước về hộ tịch

###### 1.1.1.1. Khái niệm hộ tịch

Trong khoa học pháp lý một số nước trên thế giới, có thể nhận thấy khái niệm về hộ tịch đã được đề cập, cụ thể như theo tiếng Anh, thuật ngữ “*Civil registration*” được hiểu là việc đăng ký đúng thời hạn các sự kiện sinh, tử, kết hôn với chính quyền trong thời hạn quy định. Hiện nay, trong Bộ luật Dân sự của Cộng hòa Pháp không đưa ra khái niệm riêng về hộ tịch mà chỉ đưa ra khái niệm “*Chứng thư hộ tịch*”; nhưng trong tiếng Pháp thì từ “*register d etat civil*” cũng được hiểu là việc đăng ký dân sự của cá nhân. Như vậy, cả hai khái niệm nêu trên đều có thể hiểu nghĩa đó là việc “*đăng ký tình trạng dân sự của cá nhân*”.

Các nước có hệ thống pháp luật theo truyền thống là luật thành văn (còn gọi là hệ thống luật lục địa) với đại diện tiêu biểu nhất là Pháp thì khái niệm này thường gắn liền với khái niệm “*Thân trạng*” và được hiểu là “*căn cước, tình trạng dân sự của một cá nhân*” (tiếng Pháp là *état des personnes*).

Còn hiện nay, theo các tài liệu đã được Liên hiệp quốc công nhận và chính thức sử dụng thường xuyên thì khái niệm “*Civil registration*” có nghĩa là: “*Đăng ký hộ tịch là việc ghi nhớ liên tục đặc điểm về sự tồn tại và tình trạng dân sự của mỗi cá nhân liên quan đến dân số được quy định bởi sắc lệnh, luật hoặc điều lệ phù hợp với yêu cầu của pháp luật mỗi quốc gia*”.

Như vậy, có thể thấy rằng về mặt ngôn ngữ học, từ Hộ tịch đang được sử dụng trong pháp luật Việt Nam hiện hành đều có sự tương đồng về ngữ nghĩa với các khái niệm của pháp luật về hộ tịch của nước ngoài. Xét từ góc độ ngôn ngữ học, “hộ tịch” là một từ ghép gốc Hán, được ghép bởi hai thành tố có nghĩa độc lập, trong đó “tịch” là thành tố chính. Xét về mặt từ loại thì đây là một danh từ thuộc nhóm danh từ chỉ khái niệm trừu tượng [41, tr. 211]. Theo đó, từ “hộ” khi sử dụng là danh từ có nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có một nghĩa trực tiếp là “dân cư”

hoặc “nhà ở”, hiểu rộng ra là “đơn vị để quản lý dân số, gồm những người cùng ăn ở với nhau”. Tương tự từ “tịch” có nghĩa là “sổ sách” hoặc là “sổ sách đăng ký quan hệ lệ thuộc”. Gốc từ là vậy, nhưng nội hàm khái niệm này lại được giải nghĩa có thể hơi khác nhau: “*Hộ tịch: Quyển sổ của Chính phủ biên chép số người, chức nghiệp và tịch quán của từng người*” [1, tr. 384]. “*Hộ tịch: Sổ sách ghi chép, họ, nghề nghiệp dân cư ngụ trong xã phường*” [27, tr. 296]. “*Hộ tịch: Quyển sổ ghi chép tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp của mọi người trong một địa phương*” [26, tr. 321]. “*Hộ tịch: Sổ của cơ quan dân chính đăng ký cư dân trong địa phương mình theo đơn vị hộ*” [30, tr. 442]. “*Hộ tịch: các sự kiện trong đời sống của một người thuộc sự quản lý của pháp luật*” [52, tr. 835]. “*Hộ tịch là những sự kiện cơ bản về đời sống của mỗi người được đăng ký vào sổ hộ tịch để làm căn cứ xác định các quyền và nghĩa vụ dân sự, quyền và nghĩa vụ công dân*” [42, tr. 31]. Mỗi cách giải thích đứng từ góc nhìn khác nhau, thể hiện sự vận động nhận thức về khái niệm ở các thời kỳ khác nhau, nhưng điểm chung của chúng là đều liên quan đến sự ghi nhận cái thuộc về nhân thân con người. Nhưng ngày nay, nhận thức chung của xã hội về hộ tịch thì hộ tịch được hiểu là những sự kiện sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch, tử... xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết. Quan niệm hộ tịch này đã được thể hiện tại Điều 2 Luật Hộ tịch 2014.

Các sự kiện hộ tịch có thể phân chia thành 02 nhóm có tính chất tương đối như sau:

- Nhóm thứ nhất gồm: Các sự kiện sinh (ngày, tháng, năm sinh); quan hệ gia đình (cha, mẹ, con); sự kiện tử (ngày, tháng, năm chết, nơi chết, nguyên nhân chết). Đây là các sự kiện hộ tịch không bao giờ thay đổi.

- Nhóm thứ hai gồm: họ tên, dân tộc, giới tính, quốc tịch. Đây là nhóm các sự kiện hộ tịch có thể thay đổi và việc thay đổi sẽ được tiến hành theo trình tự, thủ tục được quy định rất chặt chẽ.

Tóm lại, Giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân theo quy định là căn cứ pháp lý để xác nhận các sự kiện hộ tịch của cá nhân đó

và mỗi sự kiện hộ tịch đều được cơ quan đăng ký hộ tịch ghi nhận bằng giấy tờ hộ tịch. Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định giá trị pháp lý của giấy khai sinh như sau: Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với giấy khai sinh của người đó.

#### *1.1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về hộ tịch*

Quản lý là hoạt động mang tính chất đặc thù trong đời sống xã hội, là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với các đối tượng quản lý. Quản lý xuất hiện ở bất kỳ nơi nào, lúc nào nếu ở nơi đó có hoạt động chung của con người. Mục đích và nhiệm vụ của quản lý là điều khiển, chỉ đạo hoạt động chung của con người, phối hợp riêng lẻ của từng cá nhân thành hoạt động chung thống nhất của cả tập thể và hướng hoạt động chung đó theo phương hướng thống nhất, nhằm đạt được mục tiêu đã được định trước.

Từ những quan niệm nêu trên, có thể xác định quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch của nhà nước gắn với các sự kiện: sinh, tử, kết hôn, nuôi con nuôi, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Thông qua việc đăng ký nhà nước quản lý để nắm được tình hình biến động dân cư, giúp nhà nước có cơ sở để hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng cũng như hoạch định các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Ngày 08 tháng 5 năm 1956, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 764/TTg kèm theo Bản Điều lệ hộ tịch. Ngày 16 tháng 01 năm 1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 04/CP, kèm theo Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch mới thay thế. Theo quy định tại hai Bản Điều lệ này, thì Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) được giao nhiệm vụ thống nhất chỉ đạo, tổ chức quản lý hộ tịch; việc đăng ký hộ tịch do Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã, khu phố phụ trách.

Ngày 20 tháng 11 năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 219/HĐBT về việc chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch ở

Trung ương từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp. Từ thời điểm này, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch trên phạm vi cả nước.

Quản lý nhà nước về hộ tịch là một hình thức hoạt động của nhà nước, do các chủ thể có thẩm quyền (trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền) thực hiện trên cơ sở pháp luật và để thi hành pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch, góp phần vào bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý nhà nước về hộ tịch khác với khái niệm là quản lý hộ khẩu. Hộ khẩu là “người ở trong một hộ” [52, tr.441]. Đăng ký hộ khẩu: “Biện pháp quản lý hành chính của nhà nước nhằm xác định việc cư trú của công dân, bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân, tăng cường quản lý xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Việc đăng ký và quản lý hộ khẩu do Bộ Công an phụ trách” [36, tr.231].

Theo quy định của Luật Cư trú được Quốc hội khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2007 quy định: “Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú” [36, tr.8]. Đăng ký và quản lý hộ khẩu là biện pháp quản lý hành chính của nhà nước để xác định việc cư trú của công dân. Vì vậy, cần phân biệt hai khái niệm giữa quản lý hộ khẩu và quản lý hộ tịch ở những điểm cơ bản sau:

*Một là*, quản lý hộ khẩu là hoạt động chuyên môn của ngành Công an còn quản lý hộ tịch là hoạt động chuyên môn của ngành Tư pháp.

*Hai là*, đối tượng quản lý của hộ tịch rộng hơn đối tượng quản lý của hộ khẩu.

*Ba là*, tính chất của quản lý hộ khẩu có tính động còn quản lý hộ tịch có tính bền vững hơn.

*Bốn là*, về cách thức quản lý thì theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật Hộ tịch, quy định: “Sổ hộ tịch là sổ giấy được lập và lưu giữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch để xác nhận hoặc ghi các sự kiện hộ tịch” [38].

*Nhà nước*, mục đích quản lý của quản lý hộ tịch và quản lý hộ khẩu cũng khác nhau: quản lý hộ tịch là phương tiện để kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân còn quản lý hộ khẩu là để nắm được việc biến động về nơi thường trú, tạm trú của công dân.

Tóm lại, các vấn đề về hộ tịch và hộ khẩu có những đặc điểm khác nhau nhưng chúng có mối liên hệ gắn bó mật thiết với nhau, trong đó hoạt động đăng ký hộ tịch luôn là cơ sở, căn cứ làm phát sinh hoạt động đăng ký hộ khẩu và nó cũng là cơ sở, điều kiện để xem xét đăng ký hộ khẩu.

#### *1.1.1.3. Đặc điểm quản lý nhà nước về hộ tịch*

Quản lý nhà nước đối với hộ tịch là một lĩnh vực quản lý thân trạng của công dân và thực trạng của từng gia đình với những nét chính yếu nhất. Vì vậy, hoạt động quản lý hộ tịch có những đặc điểm sau:

*Một là*, quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động mang tính quyền lực. Quyền lực trong quản lý nhà nước đối với hộ tịch thể hiện ở việc các chủ thể có thẩm quyền thể hiện ý chí nhà nước thông qua phương tiện nhất định, trong đó phương tiện cơ bản và đặc biệt quan trọng được sử dụng là Luật Hộ tịch.

*Hai là*, hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch có tính chấp hành và điều hành.

Trên cơ sở quy định pháp luật nhằm hiện thực hóa pháp luật. Tính chấp hành và điều hành của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện trong việc những hoạt động này được tiến hành theo quy định pháp luật và nhằm mục đích thực hiện pháp luật, cho dù đó là hoạt động chủ động sáng tạo của chủ thể quản lý thì cũng không được vượt quá khuôn khổ pháp luật, điều hành cấp dưới, trực tiếp áp dụng pháp luật hoặc tổ chức những hoạt động thực tiễn.

*Ba là*, quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động có tính thống nhất, được tổ chức chặt chẽ và mang tính liên tục

Công tác quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động mang tính thống nhất, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch được tổ chức từ Trung ương tới địa phương, nhờ đó các hoạt động của bộ máy được chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn kịp

thời, thống nhất, bảo đảm lợi ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các địa phương tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả nước, tránh được sự cục bộ phân hóa giữa các địa phương hay vùng miền khác nhau. Chính đặc điểm đặc thù này được coi là cơ sở quan trọng trong việc xác lập quy định về tổ chức bộ máy quản lý hộ tịch gọn nhẹ, có sự linh hoạt trong tổ chức, có đội ngũ công chức năng động sáng tạo và chịu trách nhiệm đối với hoạt động của mình.

*Bốn là*, quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể có quyền năng hành pháp là các công chức trong bộ máy nhà nước.

Chủ thể chủ yếu thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch là các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể như sau:

+ Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch.

+ Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi cả nước.

+ Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài.

+ Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ ngoại giao và các bộ, ngành liên quan tham mưu giúp Chính phủ bảo đảm kết nối, an ninh, an toàn thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch theo quy định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương mình. Phòng Tư pháp giúp ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch theo phân cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về công tác đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương và thực hiện đăng ký các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban

nhân dân cấp xã theo quy định. Cán bộ Tư pháp hộ tịch có trách nhiệm giúp ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nói trên trừ trường hợp giải quyết tố cáo. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương.

### ***1.1.2. Vai trò của quản lý nhà nước về hộ tịch***

Trong xã hội hiện nay, khi quyền con người luôn được nhận thức như một giá trị cốt lõi của nhân loại thì cùng với nó, hầu hết các quốc gia đều nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của quản lý hộ tịch. Nếu như quản lý dân cư được coi là nội dung hàng đầu trong quản lý xã hội thì quản lý hộ tịch chính là khâu trung tâm của hoạt động quản lý dân cư. Hoạt động quản lý hộ tịch là cơ sở pháp lý để nhà nước ghi nhận và bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Cho nên, quản lý hộ tịch luôn được Đảng và nhà nước ta đặc biệt chú trọng, là lĩnh vực có mối liên hệ mật thiết với hiệu quả của việc quản lý dân cư nói chung.

Theo đó, vai trò của quản lý nhà nước về hộ tịch được thể hiện trên các mặt cơ bản sau:

*1/ Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện tập trung nhất, sinh động sự tôn trọng và bảo đảm của Nhà nước đối với việc thực hiện một số quyền nhân thân cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự hiện hành. Ở phương diện này, Đăng ký hộ tịch chính là phương tiện để người dân thực hiện, hưởng các quyền nhân thân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và trong Bộ luật Dân sự 2015 như: quyền đối với họ tên, quyền xác định lại dân tộc, quyền đối với quốc tịch, quyền kết hôn, quyền được nuôi con nuôi... Các dữ liệu về tình trạng nhân thân của mỗi cá nhân thể hiện trên các giấy tờ hộ tịch là sự khẳng định địa vị pháp lý của mỗi cá nhân, thể hiện khả năng, điều kiện cá nhân tham gia vào các quan hệ pháp luật.*

*2/ Quản lý hộ tịch góp phần khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm trật tự xã hội. Hệ thống sổ bộ hộ tịch có thể giúp việc truy nguyên nguồn gốc của cá nhân một cách dễ dàng. Các giấy tờ hộ tịch do cơ quan có thẩm quyền cấp*



được lập theo trình tự và thủ tục chặt chẽ là sự khẳng định chính thức của nhà nước về giá trị pháp lý để cá nhân thực hiện các quan hệ trong gia đình và xã hội.

*3/ Quản lý hộ tịch là cơ sở để nhà nước hoạch định chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng... và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đó. Các dữ liệu hộ tịch được thống kê đầy đủ, chính xác, cập nhật thường xuyên, kịp thời và có hệ thống là nguồn thông tin hết sức quý báu hỗ trợ đắc lực cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng địa phương, từng giai đoạn phát triển, giúp tiết kiệm chi phí xã hội.*

Với ý nghĩa quan trọng như vậy nên trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia, vấn đề xây dựng hệ thống quản lý hộ tịch và khai thác để phục vụ mục đích quản lý xã hội trên mọi lĩnh vực đời sống luôn được quan tâm, chú trọng.

## **1.2. Nội dung và hình thức, phương pháp quản lý nhà nước về hộ tịch**

### **1.2.1. Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch**

Quản lý nhà nước là việc tổ chức thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội, nên tương xứng với mỗi lĩnh vực có nội dung quản lý khác nhau. Nội dung của quản lý nhà nước rất đa dạng và phong phú, được tiến hành trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Đối tượng của quản lý nhà nước về hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận và quản lý việc xác nhận các sự kiện hộ tịch như: sinh, tử, kết hôn, nuôi con nuôi, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch... Còn nội dung quản lý tập trung chủ yếu vào các hoạt động: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, định hướng về hoạt động hộ tịch; phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch; thực hiện đăng ký hộ tịch; quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động hộ tịch; đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về hộ tịch; kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động hộ tịch; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho một số hoạt động hộ tịch; hợp tác quốc tế về hộ tịch; thống kê

nhà nước về hộ tịch; tổng kết hoạt động hộ tịch; báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động hộ tịch.

### ***1.2.2. Hình thức quản lý nhà nước về hộ tịch***

Quản lý nhà nước về hộ tịch thông qua các hình thức sau đây:

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch (Ban hành luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư...);
- Áp dụng pháp luật về hộ tịch trong các trường hợp cụ thể;
- Áp dụng các biện pháp tổ chức trực tiếp như tổ chức việc rà soát, thống kê, yêu cầu các cá nhân thực hiện quy định pháp luật về hộ tịch;
- Thực hiện những hoạt động mang tính chất pháp lý khác như tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hộ tịch, tổ chức hội nghị về công tác hộ tịch, tập huấn cho cán bộ, công chức... về công tác hộ tịch;
- Thực hiện những tác động nghiệp vụ - kỹ thuật (ghi chú, lưu trữ sổ sách, số liệu về hộ tịch, viết báo cáo...)

### ***1.2.3. Phương pháp quản lý nhà nước về hộ tịch***

#### ***1.2.3.1. Khái niệm và phân loại phương pháp quản lý hành chính nhà nước***

Phương pháp quản lý hành chính nhà nước là cách thức giải quyết những vấn đề cụ thể phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước và cũng là cách thức tổ chức hoạt động của chính chủ thể quản lý.

Phương pháp quản lý hành chính nhà nước vừa là cách thức thực hiện những chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương và cũng vừa là cách thực tác động của chủ thể quản lý hành chính nhà nước lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục đích quản lý và hành vi xử sự cần thiết của cá nhân trong xã hội.

Tóm lại, phương pháp quản lý hành chính nhà nước vừa là cách thức tác động của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước lên các đối tượng quản lý nhằm đạt được mục đích quản lý và hành vi xử sự cần thiết vừa là cách thức thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước. Chính vì vậy trên thực tế phương pháp quản lý hành chính có thể tác động đến hai khả năng sau:

- *Một là*, sử dụng tổng hợp những biện pháp và cách thức khác nhau để bảo đảm đạt được hành vi xử sự cần thiết một cách tự giác.

- *Hai là*, sử dụng tổng hợp những biện pháp và cách thức khác nhau để bắt buộc hành vi xử sự cần thiết.

#### *1.2.3.2. Các phương pháp quản lý nhà nước về hộ tịch*

- Phương pháp hành chính: là phương pháp mệnh lệnh đơn phương bắt buộc thực hiện đối với các đối tượng quản lý được tổ chức thực hiện bằng các quyết định hành chính. Sự tác động trực tiếp của các quyết định hành chính lên đối tượng quản lý thể hiện tính chất quyền lực đơn phương của chủ thể quản lý. Đồng thời, quy định quy tắc xử sự chung trong quản lý hành chính nhà nước nhằm đáp ứng các yêu cầu hợp pháp của công dân.

- Phương pháp thuyết phục: là một trong những biện pháp làm cho công dân, tổ chức thuộc đối tượng quản lý hành chính nhà nước nhận thức đúng đắn về các quy tắc xử sự khi tham gia vào các quan hệ pháp luật hành chính. Thuyết phục là cách thức dùng lời nói, hành vi để vận động đối tượng quản lý hành chính hiểu rõ bản chất sự việc và tự giác thực hiện hành vi nhất định hoặc không thực hiện hành vi nhất định theo ý chí của chủ thể. Trong công tác quản lý nhà nước về hộ tịch thì phương pháp thuyết phục là rất quan trọng, mang lại hiệu quả cao thông qua các hoạt động như: giải thích, nhắc nhở, giáo dục, kêu gọi, cung cấp thông tin, tuyên truyền.

- Phương pháp kinh tế: là phương pháp thông qua việc sử dụng các công cụ kinh tế tác động đến lợi ích của con người. Đây là phương pháp tác động gián tiếp đến hành vi của các đối tượng quản lý như: khi đăng ký hộ tịch cá nhân phải nộp lệ phí theo quy định trừ trường hợp được miễn hoặc áp dụng chế độ khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và ngược lại nếu cán bộ công chức gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ, cố tình làm sai, đăng ký hộ tịch không đúng pháp luật quy định làm ảnh hưởng đến lợi ích của người đăng ký thì phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Phương pháp cưỡng chế: là phương pháp bắt buộc dùng sức mạnh của cơ quan quản lý hành chính nhà nước tác động lên đối tượng chịu sự quản lý khi đối tượng này không làm hoặc làm không đúng các quy tắc xử sự đã được đề ra. Theo quy định của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/4/2013 [15] của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bộ trợ tư pháp, Hành chính tư pháp, Hôn nhân và gia đình, Thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

Tóm lại, trong quản lý hành chính nhà nước nói chung và trong quản lý nhà nước về hộ tịch nói riêng, chúng ta cần phải kết hợp giữa phương pháp thuyết phục và phương pháp cưỡng chế, phương pháp thuyết phục phải được áp dụng trước, phải vận động thuyết phục đến hết khả năng để đối tượng quản lý tự giác thực hiện và sau cùng nếu không thể thuyết phục thì mới áp dụng phương pháp cưỡng chế.

### **1.3. Các nhân tố tác động đến quản lý nhà nước về hộ tịch**

#### ***1.3.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

Kinh tế thị trường là một kiểu quan hệ giữa người với người trong sản xuất, trao đổi và tiêu dùng, nên mang đậm dấu ấn của quan hệ xã hội, của thể chế chính trị mà nền kinh tế đó tồn tại. Sự di dân tự phát, người dân ở nông thôn về thành thị để tìm kiếm việc làm kéo theo những hệ lụy tác động rất lớn đến quản lý nhà nước về hộ tịch, hộ khẩu, xuất phát từ thực tế đó đòi hỏi phải có phương pháp và hình thức quản lý thích hợp. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa làm xuất hiện nhiều vùng, cụm, địa bàn tập trung nhiều hoạt động ở các trung tâm thành phố lớn, các khu công nghiệp... Việc các lao động tập trung tại các khu công nghiệp, các thành phố lớn làm phát sinh các quan hệ hôn nhân gia đình giữa những cá nhân đăng ký thường trú ở địa phương khác bắt buộc làm phát sinh thủ tục xác minh tình trạng hôn nhân của người đó.

Trong công cuộc đổi mới, Việt Nam đã lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường đòi hỏi hoạt động công vụ của nền hành chính trong đó có hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch phải thích ứng kịp thời,

nhanh nhạy với nền kinh tế nhiều thành phần. Cải cách hành chính nói chung và cải cách quản lý nhà nước về hộ tịch nói riêng có thể xem là yếu tố để đảm bảo sự thành công của cải cách kinh tế. Cần thiết thực hiện chuyển từ nền hành chính truyền thống sang nền hành chính phát triển. Là nền hành chính lấy các quy luật của thị trường (quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh) làm chuẩn mực ứng dụng trong quản lý xã hội, quản lý nhà nước, chuyển từ một nền hành chính “cai trị” sang nền hành chính “dịch vụ” phục vụ nhân dân.

### ***1.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

Nhà nước pháp quyền là nhà nước bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội, trong đó Hiến pháp và pháp luật phải phản ánh “ý chí chung của nhân dân”, “lợi ích chung của xã hội”. Nhà nước pháp quyền là nhà nước chịu trách nhiệm trước công dân về những hoạt động của mình, còn công dân phải thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và chịu trách nhiệm pháp lý về những hành vi vi phạm của mình. Vì vậy, xây dựng nhà nước pháp quyền là phương thức duy nhất đúng để đáp ứng những nhu cầu nảy sinh từ thực tiễn tổ chức quản lý xã hội và quản lý nhà nước, cũng như những nhu cầu thuộc một số lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội ở nước ta. Đó là nhu cầu về sự cần thiết phải tạo cho được ý thức coi trọng pháp luật trong quản lý xã hội, quản lý nhà nước; nhu cầu về sự cần thiết phải xác định đúng mối quan hệ qua lại giữa nhà nước và công dân; nhu cầu về bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân. Chỉ bằng con đường nhà nước pháp quyền, những nhu cầu nói trên mới được đáp ứng thỏa đáng [50, tr. 22-23].

Hiến pháp năm 2013 thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước pháp quyền phải là nhà nước mà trong đó các quyền con người được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. Theo nghĩa đó, thúc đẩy nhà nước pháp quyền cũng có nghĩa là thúc đẩy sự tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người. Hiến pháp năm 2013 xác định nhiệm vụ chủ yếu của Nhà nước là phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi

người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện [37, Điều 3]; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức là phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân [37, Điều 8].

Từ những đặc trưng trên, đòi hỏi phải đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân, thực hiện phân cấp hợp lý cho chính quyền địa phương cùng với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các ngành, các cấp. Không giám sát, thanh tra, kiểm tra thì coi như không quản lý, nội dung này ngày càng trở thành quan trọng trong điều kiện nhà nước pháp quyền nhằm làm minh bạch hoạt động của Nhà nước từ Trung ương xuống địa phương. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch.

### ***1.3.3. Hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa***

Trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt nam luôn xác định một cách nhất quán nhiệm vụ đối ngoại, mà nội dung cơ bản của nó tiếp tục được khẳng định trong văn kiện Đại hội XI là: “Giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Vì vậy, toàn cầu hóa là xu thế phát triển tất yếu của quan hệ quốc tế và của nền kinh tế thế giới, nó là động lực tích cực thúc đẩy công tác quản lý nhà nước hoàn thiện hơn về mặt cải cách nhưng nó cũng đặt ra một số thách thức, đòi hỏi công tác quản lý nhà nước phải đáp ứng như: về quan điểm toàn cầu hóa đòi hỏi phải chuyển từ quan điểm cai trị sang quan điểm phục vụ nhằm tiết kiệm các chi phí, mang lại hiệu quả cao đáp ứng các yêu cầu kinh tế trong quản lý hành chính. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế có tác động mạnh mẽ đến quản lý nhà nước nói chung và quản lý hộ tịch nói riêng. Do đó, với xu thế toàn cầu hóa hiện nay cần phải có một đội ngũ công chức với tác phong làm việc nhanh nhạy, thủ tục hành chính phải được cắt

giảm tinh gọn để thích ứng với xu thế toàn cầu và tiến đến một nền hành chính phát triển, khoa học, văn minh và hiện đại.

#### ***1.3.4. Sự phát triển khoa học và công nghệ***

Ngày nay sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin đang ngày càng trở thành một phương tiện sản xuất mới thay thế tư bản và đất đai, bản thân thông tin có thể đưa đến một cuộc cách mạng, khiến thông tin nhanh chóng giành lấy quyền chiếm hữu những phương tiện sản xuất mới. Chính vì vậy, công nghệ thông tin cũng sẽ có tác động ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về hộ tịch. Đòi hỏi chúng ta phải thay thế phương pháp đăng ký quản lý hộ tịch theo phương pháp thủ công như hiện nay bằng việc ứng dụng khoa học công nghệ thông tin vào việc đăng ký đến tra cứu thông tin, dữ liệu cho đến việc lưu giữ, thống kê các số liệu hộ tịch.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là cơ sở dữ liệu ngành được lập trên cơ sở tin học hóa công tác đăng ký hộ tịch, cơ sở dữ liệu hộ tịch là tài sản quốc gia, lưu giữ toàn bộ thông tin hộ tịch của mọi cá nhân, làm cơ sở để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, phục vụ yêu cầu tra cứu thông tin, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch khi đưa vào hoạt động sẽ góp phần phục vụ người dân tốt hơn nhờ rút ngắn thời gian giải quyết công việc, trao đổi thông tin chính xác, nhanh chóng, khắc phục tình trạng tản mạn của thông tin, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hộ tịch và tạo tiền đề cho việc thiết lập một hệ thống thông tin liên kết, thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về hộ tịch.

#### ***1.3.5. Ý thức pháp luật***

Ý thức pháp luật là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm thịnh hành trong xã hội, thể hiện mối quan hệ của con người đối với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật cần phải có, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người, cũng như trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội.

Ý thức pháp luật là tiền đề tư tưởng trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; là nhân tố thúc đẩy sự thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội; là cơ sở bảo đảm cho việc áp dụng đúng đắn các quy phạm pháp luật. Pháp luật là cơ sở để củng cố, phát triển nâng cao ý thức pháp luật. Ý thức pháp luật và pháp luật là hai hiện tượng xã hội khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau.

Trong công tác quản lý nhà nước về hộ tịch thì ý thức chấp hành pháp luật có vai trò quan trọng. Mọi sự kiện hộ tịch chỉ có thể được đăng ký “đầy đủ, kịp thời, chính xác” khi chính bản thân người đó hoặc những người thân thích tự giác khai báo, tự giác đi đăng ký. Đồng thời cơ quan, người có thẩm quyền đăng ký hộ tịch phải phát huy tinh thần trách nhiệm, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Muốn vậy phải không ngừng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và nhân dân.

Ý thức chấp hành pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về hộ tịch vì mọi sự kiện hộ tịch chỉ có thể được đăng ký “đầy đủ, kịp thời, chính xác” khi chính bản thân người đó hoặc những người thân thích tự giác đăng ký. Để ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng cao đối với việc đăng ký hộ tịch thì các cơ quan chức năng phải không ngừng tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân.

### ***Tiểu kết chương 1***

Chương 1 của luận văn đã nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận về hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch trên cơ sở phân tích bản chất hoạt động này. Theo đó, quản lý hộ tịch là một hình thức hoạt động của nhà nước, do các chủ thể có thẩm quyền thực hiện trên cơ sở pháp luật và để thi hành pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch, góp phần vào bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý nhà nước có nội dung nhất định và nhiều hình thức, phương pháp thực hiện quản lý.

Với bản chất là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước được thực hiện bởi các chủ thể có quyền năng hành pháp; mang tính thống nhất thông qua tổ chức chặt



chẽ từ Trung ương đến địa phương thì hoạt động này đóng vai trò cũng như vị trí trung tâm trong hoạt động quản lý dân cư của nước ta cũng như các quốc gia khác trên thế giới. Quan trọng hơn cả quản lý hộ tịch chính là cơ sở pháp lý để nhà nước thể hiện sự tôn trọng và bảo hộ các quyền nhân thân cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật dân sự ghi nhận.

Hoạt động quản lý hộ tịch chịu ảnh hưởng của các nhân tố nhất định bao gồm: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; yêu cầu về hội nhập quốc tế; sự phát triển của khoa học và công nghệ và cuối cùng là ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Những cơ sở lý luận được phân tích cụ thể tại chương này chính là tiền đề để tác giả tiến hành nghiên cứu pháp luật thực định cũng như hoạt động áp dụng pháp luật triển khai quản lý hộ tịch trên thực tế sẽ được phân tích tại chương 2 tiếp theo.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH TẠI TỈNH AN GIANG

#### 2.1. Khái quát chung về tỉnh An Giang

An Giang là tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long, với địa hình đồng bằng, có nhiều sông, kênh rạch, đường mòn, lối mở thông qua biên giới, rất thuận tiện cho việc qua lại biên giới bằng đường bộ lẫn đường sông, cả mùa khô và mùa nước. Diện tích tự nhiên 3.536,6802 km<sup>2</sup>, dân số trung bình 2.158.320 người (thành thị: 653.186; nông thôn: 1.505.134), mật độ dân số 610 người/km<sup>2</sup>, tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số là 9,34% [18].

Về tình hình phát triển kinh tế của tỉnh An Giang diễn biến khá thuận lợi trong thời gian gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2015, đã tăng thêm được 8.640 tỷ đồng (giai đoạn 2006-2010 chỉ tăng được 6.473 tỷ đồng), GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 39,274 triệu đồng (trong khi đó giai đoạn 2006-2010 chỉ tăng được 13,134 triệu đồng so năm 2005); cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch đáng kể, theo hướng tích cực, nhất là đối với khu vực dịch vụ (chuyển dịch được 6,93%, tăng từ 53,35% vào năm 2010 lên 60,28 % vào năm 2015). Khu vực nông nghiệp chuyển dịch mạnh nhất giảm 8,43% so năm 2010 (từ 35,53% năm 2010 xuống còn 27,11% năm 2015), riêng khu vực công nghiệp - xây dựng chỉ chuyển dịch tăng được 0,39% so năm 2010 [22].

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra điểm nóng trong dịp tết, lễ hội; cải cách hành chính được các ngành, các cấp tham gia tích cực và thường xuyên; triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

Dân số An Giang năm 2015 có 2.158.320 người. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thành thị và vùng đồng bằng ven sông Tiền, sông Hậu; vùng đồi núi phía Tây và Tây Nam dân cư thưa thớt hơn. Giữa nông thôn và thành thị cũng có sự chênh lệch rõ nét. Những năm gần đây, do tác động của quá trình đô thị hóa, số dân thành thị có xu hướng tăng dần lên. Dân số trung bình có 69,74% sống ở vùng nông thôn và 30,26% sống ở thành thị. Mật độ dân số diễn hình như: của

thành phố Long Xuyên là 2.477 người/km<sup>2</sup>, thành phố Châu Đốc 1.057 người/km<sup>2</sup>, Thị xã Tân Châu 973 người/km<sup>2</sup>, huyện Tri Tôn 224 người/km<sup>2</sup>, huyện Thoại Sơn 388 người/km<sup>2</sup>... [18]. Những đặc điểm về dân cư, đời sống xã hội, điều kiện phát triển kinh tế chính là những nhân tố ảnh hưởng, góp phần quyết định tới hoạt động quản lý hộ tịch như đã được phân tích tại Chương 1.

Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 02 thành phố (Long Xuyên và Châu Đốc), 01 thị xã (Tân Châu), 8 huyện (Thoại Sơn, Chợ Mới, Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Phú Tân). Số đơn vị hành chính cấp xã có đến 31/12/2015 là: 156 xã, phường, thị trấn (21 phường, 16 thị trấn, 119 xã) [18]. Ở mỗi cấp tương ứng sẽ có hệ thống cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành quản lý hộ tịch chuyên biệt.

## **2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch ở An Giang**

### **2.2.1. Cơ sở pháp lý của quản lý nhà nước về hộ tịch**

Ngay từ những ngày đầu cách mạng nước ta giành được độc lập tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ngày 10/10/1945 tạm thời quản lý hộ tịch không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể Dân chủ cộng hòa. Sau đó, bản Điều lệ hộ tịch đầu tiên được ban hành kèm theo Nghị định số 764/TTg ngày 08/5/1956 của Thủ tướng Chính phủ được coi là văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về công tác hộ tịch. Kế tiếp, Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1961 về ban hành Bản Điều lệ đăng ký hộ tịch do Thủ tướng Chính phủ ký. Theo quy định tại hai Bản Điều lệ này, thì Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) được giao nhiệm vụ thống nhất chỉ đạo, tổ chức quản lý hộ tịch; việc đăng ký hộ tịch do Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã, khu phố phụ trách.

Ngày 20 tháng 11 năm 1987, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 219/HĐBT về việc chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch ở Trung ương từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp. Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ và đã được thay thế bởi Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định về Đăng ký và quản lý hộ tịch, Nghị định số 06/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các

Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực trong đó có sửa Nghị định 158/2005/NĐ-CP.

Sau 27 năm kể từ ngày Bộ Nội vụ chuyển giao công tác đăng ký hộ tịch sang cho Bộ Tư pháp thì Luật Hộ tịch đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014; theo đó Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch cũng được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016; Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở An Giang cũng như các địa phương khác đã có những bước phát triển tương đối ổn định, đạt được những kết quả cụ thể như: công tác xây dựng thể chế được tăng cường với nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành; hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch và đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch được củng cố, kiện toàn; dữ liệu hộ tịch được hình thành với hệ thống sổ sách về hộ tịch được lưu trữ, sử dụng lâu dài; cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch được đẩy mạnh, ngày càng tạo thuận lợi cho người dân trong đăng ký hộ tịch; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật hộ tịch đã được quan tâm, nhận thức của người dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch đã được nâng lên, tỷ lệ đăng ký hộ tịch tăng cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, lưu trữ dữ liệu về hộ tịch bước đầu được triển khai ở một số địa phương; công tác đăng ký và quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài đã có những chuyển biến tích cực, nhất là trong lĩnh vực đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Kết quả đạt được trong những năm qua và 6 tháng đầu năm 2016 kể từ ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực cho thấy, công tác hộ tịch ngày càng khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với quản lý nhà nước và xã hội, góp phần bảo đảm ngày một tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

### ***2.2.2. Thực tiễn quản lý nhà nước về hộ tịch ở tỉnh An Giang***

#### ***2.2.2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo, quản lý nhà nước và các chính sách, kế hoạch, định hướng về hộ tịch***

Trong những năm qua các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn quan tâm từ việc ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn đến việc tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nề nếp.

Trước khi Luật Hộ tịch có hiệu lực, đề đơn đốc triển khai thi hành Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành:

- Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết hồ sơ liên quan đến giấy khai sinh và các loại hồ sơ cá nhân khác trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 về việc phê duyệt Kế hoạch đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, CMND cho Việt kiều Campuchia trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 về việc ban hành tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố;

- Chỉ thị số 12/2011/CT-UBND ngày 21/10/2011 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và công tác Tư pháp của ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 về phê duyệt Kế hoạch triển khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế theo quy định của Luật nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Thủ tướng Chính phủ;

- Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/3/2012 của Tỉnh ủy về quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015-2020;

- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 04-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Quyết định 1311/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế xin lỗi cá nhân, tổ chức vì sự sai sót, quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang;

Đồng thời ban hành các Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ quy định về đăng ký kết hôn cho các trường hợp hôn nhân thực tế, Đề án số 278/TP-HT ngày 23/4/2001 của Bộ Tư pháp về tổ chức năm đăng ký khai sinh cho trẻ em, Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều này cho thấy tầm quan trọng của công tác quản lý hộ tịch đã được các cơ quan quản lý hộ tịch nhận thức đầy đủ hơn, đặc biệt là trong hệ thống ủy ban nhân dân các cấp. Trước đây phổ biến quan niệm coi quản lý hộ tịch thuần túy là công việc chuyên môn của ngành Tư pháp thì đến nay, nhiệm vụ này đã được xác

định trước hết thuộc trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh và đã được chính quyền các cấp tổ chức thực hiện với tính chủ động cao hơn.

#### *2.2.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về hộ tịch*

##### *1/ Tổ chức bộ máy quản lý hộ tịch*

Quản lý hộ tịch là một nội dung quản lý nhà nước quan trọng trong lĩnh vực Hành chính - Tư pháp. Do vậy, bộ máy quản lý hộ tịch luôn được Đảng Ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quan tâm đặc biệt để đảm bảo được hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và đăng ký hộ tịch, bộ máy quản lý hộ tịch được bố trí ở cả 3 cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã. Giúp Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực quản lý và đăng ký hộ tịch (theo ngành dọc) bao gồm: Sở Tư pháp An Giang; 11 phòng Tư pháp ở các huyện, thị, thành phố và 307 công chức Tư pháp - Hộ tịch ở xã, phường, thị trấn.

Từ khi Luật Hộ tịch 2014 có hiệu lực, thì một trong những điểm đổi mới của Luật đó là quy định về phân định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã, huyện, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong công tác đăng ký hộ tịch. Theo đó tỉnh An Giang đã phân cấp mạnh mẽ theo hướng chuyển giao một số loại việc trước đây thuộc thẩm quyền đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Điểm mốc này đánh dấu sự vận dụng một quan điểm quản lý mới về sự phân cấp quản lý nhà nước về hộ tịch và cũng thể hiện đánh giá cao về việc đảm nhận những nhiệm vụ, trọng trách ngày càng phức tạp hơn của hệ thống Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc giao đồng thời cho 03 cấp (tỉnh, huyện, thị, thành phố, xã, phường, thị trấn) trực tiếp đăng ký hộ tịch thì các cấp có thể giám sát hoạt động của nhau thông qua quá trình giải quyết công việc. Mặt khác, công việc quản lý hộ tịch sẽ không tập trung vào một hoặc hai cấp gây nên khối lượng công việc lớn, quá tải dễ dẫn đến việc giải quyết công việc chậm, mắc nhiều sai sót. Bên cạnh đó, năng lực thực sự của cán bộ ở cơ sở hiện nay còn nhiều hạn chế, nếu tiếp tục giao những vụ việc phức tạp thì chưa thể đáp ứng được yêu cầu công việc.

Với sự phân cấp này, thẩm quyền quản lý hộ tịch của các cơ quan trong bộ máy quản lý hộ tịch ở tỉnh An Giang hiện nay được bố trí như sau:

- *Ở cấp tỉnh*: Sở Tư pháp tỉnh An Giang là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quản lý nhà nước về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch tại địa phương. Thời gian qua, Phòng Hành chính Tư pháp là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo Sở về lĩnh vực hộ tịch.

- *Ở cấp huyện*: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh An Giang thực hiện quản lý hộ tịch trong địa phương mình và thực hiện đăng ký khai sinh việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính và bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi; cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc.

Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh An Giang thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi địa phương.

- *Ở cấp xã*: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh An Giang thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình. Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm giúp ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại tỉnh An Giang thực hiện đăng ký việc: khai sinh; kết hôn; khai tử; nhận nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước (bao gồm cả trường hợp đăng ký khai sinh cho con của người nước ngoài cư trú ổn định, lâu dài tại Việt Nam và con của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài)...

Trong những năm qua, đội ngũ làm công tác hộ tịch từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn tại An Giang đã luôn được củng cố, tăng cường, đặc biệt là từ khi thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ



Tư pháp - Bộ Nội vụ và công văn số 60-CV/BCS ngày 10/6/2009 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về việc đề nghị quan tâm kiện toàn, củng cố cơ quan tư pháp địa phương, công văn số 74-CV/BCSD ngày 19/7/2010 về việc đề nghị quan tâm kiện toàn, củng cố tư pháp xã, phường, thị trấn. Sở Tư pháp An Giang đã chủ động rà soát đánh giá toàn diện thực trạng việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng và việc bố trí, sắp xếp cán bộ của Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp và Tư pháp cấp xã. Trên cơ sở rà soát đó, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và công tác Tư pháp cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Theo số liệu tổng rà soát đội ngũ công chức của các Phòng Tư pháp và Tư pháp cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh An Giang tính đến tháng 6/2016 được thống kê cụ thể tại Bảng số liệu rà soát công chức Phòng Tư pháp cấp huyện, bảng rà soát đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch cấp xã tại phần phụ lục của luận văn thì đến nay tỉnh có tất cả 307 công chức tư pháp hộ tịch hoạt động tại xã, và 62 công chức Tư pháp hộ tịch công tác tại Phòng Tư pháp huyện, thị, thành phố. Tại Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố hiện nay không có cán bộ chuyên trách về hộ tịch. Công tác hộ tịch do công chức của Phòng Tư pháp các huyện, thị, thành phố kiêm nhiệm.

Hiện nay, tỉnh An Giang có 11 phòng Tư pháp thuộc ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố với tổng số công chức là 62 người, trong đó có 17 cán bộ hợp đồng. Trình độ chuyên môn của công chức Phòng Tư Pháp thông qua Bảng số liệu tổng rà soát đội ngũ công chức Phòng Tư pháp hộ tịch của tỉnh An Giang tính đến tháng 6/2016 tại Phụ lục 1 có thể thấy: có 01 công chức có trình độ thạc sĩ luật, chiếm 1,6%; 56 công chức có trình độ đại học/cao đẳng luật, chiếm 90%; 02 công chức có trình độ trung cấp luật, chiếm 3,2%; 03 công chức có trình độ đại học khác và 01 công chức có trình độ trung cấp khác. Thời gian làm công tác Tư pháp của đội ngũ công chức Phòng Tư pháp cấp huyện từ dưới 05 năm là 31/62 người, chiếm 50%; còn lại 50% có thời gian công tác từ trên 5 năm, 10 năm trở lên. Điều này, cho

thấy đây là đội ngũ công chức có kinh nghiệm và đang ở độ tuổi trưởng thành với công việc chuyên môn.

- *Tại cấp xã:*

\* *Về số lượng:* Hiện nay cả tỉnh An Giang có 307 cán bộ Tư pháp - Hộ tịch trên tổng số 156 xã, phường, thị trấn. Ngày nay do xu hướng tăng thẩm quyền cho cấp xã (như Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch). Dẫn đến việc quá tải về công tác Tư pháp và công tác Hộ tịch, để đảm bảo hiệu quả trong công tác nên nhiều địa phương đã bố trí 2 công chức Tư pháp - Hộ tịch (đã có 146 xã có 2 công chức Tư pháp - Hộ tịch, chiếm khoảng 93% (cả nước là 48,9%); có 01 xã bố trí 03 công chức là xã An Hảo thuộc Tịnh Biên); hoặc thêm cán bộ hợp đồng.

\* *Về chất lượng:*

Trình độ học vấn: có 304 công chức đã tốt nghiệp trung học phổ thông (chiếm 99%). Có 03 công chức tốt nghiệp Trung học cơ sở (chiếm 1%).

Trình độ chuyên môn: có 183 công chức có trình độ đại học/cao đẳng luật, chiếm 60% (cả nước là 78%) [51]; 79 công chức có trình độ trung cấp luật, chiếm 26%; chuyên môn khác là 83 công chức, chiếm 27% (cả nước là 22%) [51] trong số này có những công chức vừa có chuyên môn khác và cả chuyên môn luật.

Hàng năm, 100% số cán bộ công chức Tư pháp - hộ tịch đều được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

\* *Về giới tính, độ tuổi:*

Trong số 307 công chức tư pháp - hộ tịch có 177 nam giới (chiếm khoảng 58%), nữ giới là 130 người (chiếm khoảng 42%).

Về độ tuổi: dưới 30 tuổi có 69 công chức, chiếm 22,5%; độ tuổi từ 30 đến dưới 40 tuổi có 184 người, chiếm 60%; độ tuổi từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi có 43 người, chiếm 14%; và từ trên 50 tuổi có 11 người, chiếm 3,5%.

\* *Về thời gian công tác:*

Số công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch từ dưới 05 năm là 176 người, chiếm 57% (cả nước là 46%); từ 5 đến 10 năm trở lên là 91 công chức, chiếm 30% (cả nước là 54%); số còn lại đảm nhiệm công việc trên 10 năm là 40 công chức, chiếm khoảng 13%.

Qua số liệu trên cho thấy, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cơ sở còn có những tồn tại, hạn chế đó là:

- Vẫn còn một số cán bộ Tư pháp - Hộ tịch làm việc theo chế độ hợp đồng.
- Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện công tác hộ tịch, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch ngoài việc thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, còn phải thực hiện thêm một số nhiệm vụ công tác tư pháp được lãnh đạo Ủy ban nhân dân giao như: thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tham gia các tổ công tác của xã, phường, thị trấn; công tác kiểm soát thủ tục hành chính... Do vậy, việc đầu tư thời gian cho công tác quản lý, đăng ký hộ tịch vẫn còn những hạn chế nhất định, nhất là những nhiệm vụ nắm địa bàn, xác minh, kiểm tra và vận động nhân dân đi đăng ký kịp thời các sự kiện hộ tịch phát sinh.

- Một số cán bộ Tư pháp hộ tịch mới tham gia công tác tư pháp (đảm nhiệm công tác hộ tịch dưới 05 năm chiếm khoảng 57%) nên chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, khi gặp những tình huống phức tạp, tình huống khó chưa có kinh nghiệm để vận dụng giải quyết một cách linh hoạt, kịp thời mang lại hiệu quả. Đội ngũ này thường bị biến động qua các đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc qua các kỳ Đại hội Đảng.

- Trình độ tin học, ngoại ngữ: có 269/307 công chức đạt chứng chỉ tin học (chiếm khoảng 88%) và 246/307 người có chứng chỉ ngoại ngữ A, B (chiếm 80%). Tỷ lệ công chức có bằng cấp về ngoại ngữ và tin học tương đối cao nhưng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý về hộ tịch của đa số cán bộ Tư pháp - Hộ tịch vẫn còn hạn chế. Do chưa được đào tạo bài bản các phần mềm quản lý hộ tịch nên việc khai thác và sử dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch chưa hiệu quả.

## *2/ Thực hiện liên thông các thủ tục hành chính*

Nhằm tạo bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính, đồng thời thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án liên thông thực hiện các thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi. Ngày 15/5/2015, Liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi. Theo đó các cơ quan thực hiện liên thông các thủ tục hành chính là các cơ quan trực tiếp thực hiện việc đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm gồm: ủy ban nhân dân cấp xã, Công an, Bảo hiểm xã hội thuộc tỉnh An Giang. Trong đó, ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ ban đầu, trả kết quả cuối cùng (cán bộ phụ trách công tác hộ tịch phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, có trách nhiệm lập và chuyển hồ sơ cho các cơ quan liên thông có liên quan khác trong hệ thống cơ quan quản lý hộ tịch thuộc tỉnh An Giang. Ngày 15/9/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ký cũng đã ký Quyết định số 2571/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong đó bao gồm cả bộ thủ tục về hộ tịch. Điều đó cho thấy chính quyền tỉnh An Giang luôn chú tâm cũng như năng động thích ứng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện cải cách liên thông thủ tục hành chính trên mọi lĩnh vực quản lý hành chính nói chung cũng như quản lý hộ tịch nói riêng.

*2.2.2.3. Hoạt động lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy; giám sát; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về hộ tịch của cơ quan quản lý hộ tịch*

### *1/ Hoạt động lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy*

Công tác kiểm tra của cấp ủy Đảng các cấp đối với công tác quản lý hộ tịch được thực hiện thông qua việc nghe các đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan có thẩm quyền đăng ký, quản lý hộ tịch báo cáo, phản ánh tình hình

thực hiện nhiệm vụ, như: Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Chủ tịch, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, công chức Tư pháp hộ tịch cấp xã. Ngoài ra, thông qua công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật của nhà nước về đăng ký, quản lý hộ tịch của các đảng viên đó. Qua công tác kiểm tra, cấp ủy đảng các cấp ở tỉnh An Giang đã phát hiện và xử lý kịp thời các đảng viên có hành vi vi phạm như: cải chính năm sinh không đúng quy định nhằm tăng hoặc giảm tuổi vì động cơ cá nhân. Thông qua đó đã chấn chỉnh kịp thời công tác đăng ký, quản lý hộ tịch nói chung và việc giải quyết cho cán bộ, đảng viên cải chính ngày, tháng năm sinh nói riêng.

### *2/ Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân*

Hội đồng nhân dân các cấp thuộc tỉnh An Giang thực hiện việc giám sát hoạt động nói chung của ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch nói riêng. Hội đồng nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua việc xem xét báo cáo công tác 6 tháng và hàng năm của Ủy ban nhân dân, xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch ủy ban nhân dân và của Giám đốc Sở Tư pháp, của Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thị, thành phố và của cán bộ Tư pháp hộ tịch cấp xã thuộc tỉnh An Giang tại các kỳ họp định kỳ (mỗi năm 2 kỳ) của Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trên địa bàn. Ngoài ra, Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện việc giám sát bằng cách thành lập các đoàn giám sát việc tuân theo pháp luật trên các lĩnh vực quản lý nhà nước trong đó có quản lý nhà nước về hộ tịch và công tác đăng ký hộ tịch.

### *3/ Thanh tra, kiểm tra hành chính việc chấp hành quy định pháp luật về hộ tịch*

Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Tư pháp cấp trên quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện. Hằng năm Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thuộc tỉnh An Giang đều chủ động ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ việc thực hiện đăng ký, quản lý hộ tịch của các cơ quan tư pháp cấp dưới. Ngoài ra, Sở Tư

pháp tỉnh An Giang đã kịp thời tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc lồng ghép vào đợt kiểm tra tổng thể công tác Tư pháp. Từ năm 2011 đến 6 tháng đầu năm 2016, Sở Tư pháp tỉnh An Giang đã tổ chức 10 cuộc thanh tra trên 39 xã, phường, thị trấn và 21 cuộc kiểm tra đối với Phòng Tư pháp, đồng thời hàng năm các Phòng Tư pháp huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh An Giang đều tổ chức 150 đợt/năm kiểm tra đơn vị cấp xã. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác đăng ký, quản lý nhà nước về hộ tịch ở cơ sở, như: đăng ký hộ tịch không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục; giải quyết cho thay đổi cải chính hộ tịch thiếu căn cứ pháp lý và cơ sở thực tế, xác định lại dân tộc không đúng quy định; đăng ký kết hôn cho những trường hợp không đủ điều kiện kết hôn... Góp phần nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ công chức có thẩm quyền và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trong đăng ký hộ tịch.

#### *2.2.2.4. Ứng dụng khoa học, công nghệ và cơ sở vật chất trong hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch*

Ứng dụng công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong công tác quản lý thủ tục hành chính nói chung và thủ tục hộ tịch nói riêng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang chưa đồng bộ, kịp thời dẫn đến còn một số khó khăn trong quá trình áp dụng. Do đó, để thực hiện nhiệm vụ xây dựng các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh An Giang đáp ứng yêu cầu khung kiến trúc Chính phủ điện tử; bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin địa phương với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia thì việc đầu tư dự án Trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tỉnh An Giang là cần thiết nhằm bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia.

Hiện nay, công thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh An Giang đã đi vào hoạt động tương đối ổn định, các thông tin hoạt động và thủ tục hành chính của Sở Tư pháp cũng như các Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh An Giang luôn được cập nhật kịp thời, hiện đang tiến hành cài đặt các phần mềm ứng dụng như: phần mềm văn phòng điện tử, phần mềm quản lý hồ tịch... Việc trao đổi thông tin qua hộp thư điện tử được cán bộ, công chức Sở Tư pháp sử dụng thường xuyên trong công việc ước đạt trên 90% văn bản được trao đổi qua hệ thống mạng.

Thực hiện Quyết định số 50/2009/QĐ ngày 05/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy chế sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh An Giang trong hoạt động cơ quan nhà nước và Chỉ thị số 06/2011/CT-UBND ngày 26/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tăng cường sử dụng thư điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã xây Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa” tại Sở Tư pháp và đã được ủy ban nhân dân phê duyệt. Hiện nay đã hoàn tất các nội dung, hạng mục của Đề án, trang bị mới toàn bộ hệ thống máy chủ và 23 máy vi tính để bàn, 02 máy tính xách tay.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã có văn bản thống nhất với Tờ trình số 372/TTr-UBND ngày 12/7/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tỉnh An Giang. Theo đó, dự án Đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tỉnh An Giang, địa điểm đầu tư tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tỉnh An Giang và 11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, việc đăng ký hồ tịch tại các địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang đang thực hiện chủ yếu bằng phương pháp thủ công. Đăng ký hồ tịch theo phương thức này tạo được sự thuận lợi, dễ dàng cho cán bộ đăng ký trong việc thực hiện và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện làm việc hiện có của các đơn vị. Nhưng hiện nay Phòng Tư pháp cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã trên

địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, bất cập là các thao tác trong việc đăng ký hộ tịch chậm, số lượng hồ sơ tài liệu, sổ hộ tịch lưu trữ qua hàng năm ngày càng tăng trong khi đó cơ sở vật chất phục vụ cho công tác lưu trữ tại các địa phương chưa được trang bị đúng mức, dẫn đến việc bảo quản sổ lưu gặp nhiều khó khăn, nguy cơ sổ lưu bị thất lạc, hư hỏng do chưa có kho lưu trữ qua hàng năm là rất lớn. Việc thống kê, cung cấp thông tin về hộ tịch chậm, chưa tiện ích trong việc đăng ký và quản lý hộ tịch.

Thời gian qua, cơ quan tư pháp các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện phần mềm quản lý hộ tịch do Sở Tư pháp trang bị nhưng chất lượng, hiệu quả phần mềm của Sở Tư pháp chưa cao, còn gặp rất nhiều sự cố do lỗi phần mềm. Việc áp dụng tin học trong đăng ký hộ tịch mới dừng lại ở mức độ đơn giản như: in ấn biểu mẫu, thống kê số liệu hộ tịch... chưa có kết nối thông tin giữa các địa phương trong đăng ký và quản lý hộ tịch. Nằm trong tình trạng khó khăn chung của tỉnh nên việc đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho các cơ quan quản lý hộ tịch còn hạn chế, đặc biệt là các đơn vị cấp xã, điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc đang còn thiếu thốn. Qua thống kê thì hiện nay, mỗi bộ phận Tư pháp- Hộ tịch cấp xã chỉ có 01 máy vi tính để sử dụng chung.

*2.2.2.5. Quản lý sổ, giấy tờ hộ tịch, giáo dục pháp luật và công tác thống kê, báo cáo*

*1/ Tình hình quản lý sổ bộ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch*

Sổ đăng ký hộ tịch là tài liệu gốc, là căn cứ pháp lý để phục vụ công tác tra cứu, sao lục, cấp giấy tờ hộ tịch, chứng nhận về tình trạng nhân thân của cá nhân khi cần thiết, do đó phải được lưu trữ, bảo quản lâu dài, tuyệt đối không được làm mất mát, hư hỏng. Vì vậy cả người được đăng ký hộ tịch và cả ủy ban nhân dân cấp xã phải đề cao trách nhiệm trong việc cất giữ, lưu trữ các giấy tờ, sổ sách hộ tịch. Khi chuyên giao công tác, phải thực hiện bàn giao đầy đủ, cụ thể.

Trong thời gian qua, việc lưu trữ, bảo quản sổ lưu hộ tịch tại đa số ủy ban nhân dân cấp xã thuộc tỉnh An Giang đã thực hiện tốt, nhiều xã đã thực hiện mở sổ kẹp theo quy định. Tuy nhiên, sổ hộ tịch được lưu trữ ở cấp xã trước năm 1998



không được lưu trữ đầy đủ, phần lớn đã bị rách, hư hỏng đang được khôi phục. Các biểu mẫu hộ tịch hiện nay đã được cải chính về nội dung và mẫu mã nhưng công tác phát hành còn nhiều bất cập, tình trạng thiếu biểu mẫu vẫn đang diễn ra tại địa phương do tại Điều 17, Điều 18 Thông tư 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định thẩm quyền in, phát hành mẫu giấy tờ, sổ hộ tịch thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp do địa phương chưa đủ điều kiện về ứng dụng công nghệ thông tin nên đã làm cho địa phương lâm vào tình trạng thiếu biểu mẫu để giải quyết hộ tịch cho người dân.

Một vấn đề bức xúc trong thực tiễn hoạt động quản lý hộ tịch của An Giang hiện nay là nhiều người dân không có giấy tờ hộ tịch do bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh hoặc bị hư hỏng, mất mát do thiên tai, lũ lụt... nhưng không có điều kiện xin trích lục bản sao giấy tờ hộ tịch do sổ gốc cũng đã bị thất lạc, hư hỏng. Trong khi đó theo cơ chế quản lý của Nhà nước ta hiện nay, để tham gia vào hầu hết các quan hệ pháp luật, người dân thường phải nộp bản sao các loại giấy tờ hộ tịch để chứng minh các đặc điểm về nhân thân của mình. Mặc dù pháp luật hiện hành quy định bản sao giấy tờ hộ tịch có giá trị như bản chính nhưng trong thực tế quy định trên không phải ai, lúc nào cũng được thực hiện nghiêm túc.

Mặt khác, các quy định về biểu mẫu hộ tịch không thống nhất và thường xuyên có sự thay đổi; việc không thống nhất trong sử dụng biểu mẫu hộ tịch, xử lý các thông tin ghi trong giấy khai sinh giữa các ngành, như: ngành công an trong quá trình sửa sai các thông tin liên quan đến nhân thân trong sổ hộ khẩu, ngành giáo dục trong quá trình sửa sai các thông tin trong văn bằng, chứng chỉ, học bạ... bắt buộc phải có trích lục cải chính hộ tịch của ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp huyện mặc dù công dân đã có giấy khai sinh (đăng ký đúng hạn, đăng ký lại) do ủy ban nhân dân cấp xã cấp theo đúng quy định của pháp luật đã gây phiền hà cho người dân.

Với trường hợp đăng ký lại việc sinh, pháp luật hiện hành quy định đăng ký lại việc sinh cho những trường hợp đã lập hồ sơ cá nhân mà những thông tin trong các hồ sơ đó không thống nhất, thì căn cứ vào hồ sơ được lập đầu tiên để xác định ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đó đã tạo sơ hở và sự tùy tiện trong đăng ký lại

việc sinh. Bởi vì, hồ sơ nào của cá nhân được lập đầu tiên cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch không thể biết. Khi đăng ký lại việc sinh, cá nhân đó sẽ xuất trình giấy tờ nào chứa đựng những thông tin cá nhân có lợi cho bản thân và cho rằng đó là giấy tờ được lập đầu tiên. Quy định này tạo điều kiện cho sự tùy tiện và tiêu cực trong quản lý hộ tịch.

## *2/ Giáo dục pháp luật về hộ tịch*

Xuất phát từ kết cấu dân cư đặc biệt về các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh cũng như vị trí địa lý chứa đựng đường biên giới quốc gia cho nên trong những năm qua cấp Ủy, chính quyền các cấp tỉnh An Giang luôn quan tâm đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch nói riêng. Trong giai đoạn 2011-2015, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Đảng, nhà nước về công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là: Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân; Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 24/02/2012 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 04-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 17/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thực hiện “Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 09/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch phối hợp số 25/KHPH-STP-SVHTTDL-UBMTTQVN ngày 16/4/2015 của Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng, thực hiện quy ước khóm, ấp trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên được kiện toàn, củng cố. Toàn tỉnh An Giang có 16 Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật với 324 thành

viên, trong đó Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh có 28 thành viên; 04 Hội đồng của Sở, Ban, Ngành có 41 thành viên, 11 Hội đồng cấp huyện có 266 thành viên. Theo đó có 199 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 162 báo cáo viên pháp luật cấp huyện, 1.580 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, 874 tổ hòa giải với 5.993 hòa giải viên.

Việc triển khai tuyên truyền pháp luật tới nhân dân được thực hiện thông qua nhiều hình thức phong phú và đa dạng như: tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt, hội nghị tập huấn; phát hành tài liệu, tờ gấp, sách hỏi đáp pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet; trên hệ thống đài truyền thanh xã; tủ sách pháp luật; sinh hoạt “Ngày pháp luật”. Ngoài ra ở các xóm, ấp, khu dân cư trong xã, phường, thị trấn được chủ động lồng ghép đa dạng với các hình thức như: Sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, sinh hoạt các đoàn thể nhân dân, sinh hoạt chi bộ, chi hội... Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan chuyên môn tỉnh An Giang đã thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính về hộ tịch tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, bố trí công chức Hộ tịch làm tốt công tác đăng ký hộ tịch.

Kết quả, giai đoạn 2011 - 2015, cấp tỉnh đã tổ chức được 8.134 cuộc hội nghị phổ biến, quán triệt pháp luật và tập huấn nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật với 539.491 lượt người dự; 52 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 7.214 người dự thi; phát hành 224.986 tài liệu tuyên truyền pháp luật và thực hiện 23.996 tin bài về pháp luật trên phương tiện thông tin đại chúng. Cấp huyện tổ chức triển khai 8.718 cuộc tuyên truyền miệng cho 339.102 lượt cán bộ và nhân dân trên địa bàn, tổ chức thành công 56 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 12.758 lượt người dự thi, biên soạn và phát hành 85.922 tài liệu tuyên truyền pháp luật, thực hiện 24.920 lần phát song chương trình phổ biến giáo dục pháp luật trên Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn, 677 tin bài về pháp luật trên phương tiện thông tin đại chúng... trong đó có nhiều nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hộ tịch.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tuy có tăng cường nhưng hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chưa có nhiều đổi mới; cơ chế phối hợp, lồng ghép các nguồn lực, hoạt động để tránh trùng lặp chưa được chú trọng đúng

mức, hiệu quả khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật còn thấp. Nguyên nhân là do việc quán triệt vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong một bộ phận cán bộ, công chức, một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa đầy đủ, nguồn nhân lực làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật còn hạn chế, một số chưa đáp ứng được yêu cầu, nguồn kinh phí cho các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật tuy được quan tâm bố trí nhưng chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu đề ra.

### *3/ Công tác thống kê, báo cáo, tổng kết, khen thưởng về quản lý nhà nước về hộ tịch*

Công tác thống kê, báo cáo, tổng kết, khen thưởng về quản lý nhà nước về hộ tịch được thực hiện thường xuyên theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm và được kết hợp trong thống kê, báo cáo kết quả công tác tư pháp. Ngoài ra, tùy theo từng giai đoạn hoặc yêu cầu công việc việc thống kê, báo cáo, tổng kết, khen thưởng còn được thực hiện theo chuyên đề riêng. Số liệu thống kê hộ tịch được lập theo định kỳ 6 tháng và năm phải bảo đảm chính xác, gửi báo cáo theo đúng thời hạn, theo đó số liệu thống kê hộ tịch 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 hàng năm đến hết ngày 30 tháng 6 của năm đó; số liệu thống kê hộ tịch năm được tính từ ngày 01 tháng 01 hàng năm đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Đối với ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo số liệu thống kê hộ tịch 6 tháng đầu năm phải gửi cho Phòng Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 hàng năm; báo cáo năm phải gửi trước ngày 15 tháng 01 của năm sau; đối với ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo số liệu thống kê hộ tịch 6 tháng đầu năm phải gửi cho Sở Tư pháp trước ngày 31 tháng 7 hàng năm; báo cáo năm phải gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm sau; đối với Sở Tư pháp, báo cáo số liệu thống kê hộ tịch 6 tháng đầu năm phải gửi cho Bộ Tư pháp trước ngày 31 tháng 8 hàng năm; báo cáo năm phải gửi trước ngày 01 tháng 3 của năm sau.

Riêng công tác khen thưởng được thực hiện lồng ghép vào khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đánh giá hoạt động hàng năm.

#### *2.2.2.6. Kết quả của hoạt động quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang*

##### *1/ Đăng ký khai sinh*

Công tác đăng ký khai sinh cho trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang trong những năm gần đây được thực hiện nghiêm túc hơn. Tỷ lệ đăng ký khai sinh đúng hạn trung bình chiếm khoảng 64,83 % trong tổng số người sinh ra trong năm. Tỷ lệ đăng ký khai sinh đúng hạn ngày càng chiếm tỷ lệ lớn hơn các sự kiện hộ tịch khác. Như trong năm 2013 số đăng ký đúng hạn là 32.727 trường hợp, chiếm 67%; năm 2014 tuy giảm số lượng đăng ký khai sinh xuống còn 26.604 trường hợp đăng ký đúng hạn nhưng đạt tỉ lệ 69% trong tổng số thực hiện đăng ký khai sinh. Năm 2015 thì tỉ lệ đăng ký đúng hạn giảm xuống chỉ còn 66% [Phụ lục 3].

Bên cạnh đó, khai sinh có yếu tố nước ngoài là việc cấp khai sinh cho đối tượng có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam. Tỷ lệ này tại tỉnh An Giang diễn ra trung bình khoảng từ 90-100 trường hợp/năm [Phụ lục 4]. Nhìn chung, số lượng trẻ em có yếu tố nước ngoài được đăng ký khai sinh trên địa bàn tỉnh An Giang cho thấy nhiều cặp vợ chồng trong đó có người nước ngoài cũng muốn chọn quốc tịch Việt Nam làm quốc tịch chính thức cho con mình nhằm được hưởng mọi quyền năng cũng như nghĩa vụ của một công dân Việt Nam.

Tuy nhiên, tình trạng để hư hỏng, rách nát hoặc thất lạc, mất mát sổ đăng ký khai sinh hoặc giấy khai sinh vẫn còn khá phổ biến nên tình trạng đăng ký lại việc sinh vẫn còn nhiều. Tỷ lệ đăng ký lại việc sinh trong năm 2014 và 2015 có khoảng 1.740 trường hợp/năm; sự kiện đăng ký lại khai sinh có chiều hướng tăng lên trong 6 tháng đầu năm 2016 đã có 1.379 trường hợp đăng ký lại tại bộ phận đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang [Phụ lục 3].

##### *2/ Đăng ký kết hôn*

Thực trạng đăng ký kết hôn tại của tỉnh An Giang có một số biến động không đồng đều. Năm 2013, số lượng đăng ký kết hôn đạt cao điểm là 22.462 trường hợp. Từ năm 2011 tỉ lệ đăng ký kết hôn tăng nhưng đến năm 2013 đạt cao điểm rồi bắt đầu giảm mạnh qua từng năm. Tính đến 6 tháng đầu năm 2016 mới đây

mới chỉ có 8.270 trường hợp tiến hành đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân cấp xã thuộc tỉnh An Giang [Phụ lục 3].

Kết hôn có yếu tố nước ngoài là sự kết hôn giữa công dân Việt Nam với người có quốc tịch khác. Các quốc tịch có công dân kết hôn với người Việt Nam nhiều nhất là Hoa Kỳ kế đến là Trung Quốc, Canada, Hàn Quốc... Về đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại Sở tư pháp tỉnh An Giang qua số liệu thống kê kết quả đăng ký hôn tịch tại Sở Tư pháp từ 2011-2015 cho thấy tỉ lệ nữ là người muốn kết hôn với người nước ngoài chiếm đa số và luôn có chiều hướng tăng dần qua các năm. Có năm đạt cao điểm với 302 trường hợp (2014) Còn đối với nam thực hiện đăng ký kết hôn với người nước ngoài thì tuy số lượng ít hơn so với nữ nhưng gần đây từ năm 2013 đến nay đang có chiều hướng tăng nhanh [Phụ lục 4].

### *3/ Đăng ký khai tử*

Thực tiễn đăng ký khai tử diễn ra trên địa bàn tỉnh An Giang những năm gần đây đang có chiều hướng giảm: Năm 2013 có tất cả 16.871 trường hợp thực hiện đăng ký, đến năm 2015 còn 15.074 trường hợp và trong đó tỉ lệ đăng ký khai tử đúng hạn luôn chiếm đa số và có chiều hướng tăng qua các năm [Phụ lục 3]. Điều đó cho thấy ý thức cũng như thái độ coi trọng việc chấm dứt sự tồn tại của một con người của người dân tỉnh An Giang.

Trường hợp đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp, đối tượng được khai tử là các công dân định cư ở nước ngoài và hầu như rất ít trường hợp người nước ngoài chết và đăng ký khai tử tại Việt Nam nói chung cũng như tại tỉnh An Giang nói riêng. Tỷ lệ này được ghi nhận trung bình khoảng 10 trường hợp/năm tại tỉnh An Giang [Phụ lục 4].

### *4/ Đăng ký nuôi con nuôi*

Đăng ký việc nuôi con nuôi ở trong nước trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay diễn ra rất ít. Từ năm 2011 đến 2015 chỉ có 154 và dường như có xu hướng giảm dần cho tới thời điểm hiện nay đến 6 tháng đầu năm 2016 mới chỉ có 08 trường hợp đăng ký nhận con nuôi [Phụ lục 3]. Các cháu có hoàn cảnh đặc biệt thường chỉ được những gia đình hiếm con nhận làm con nuôi.

## **2.3. Đánh giá chung về quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay**

### **2.3.1. Những ưu điểm và nguyên nhân**

#### **2.3.1.1. Về ưu điểm**

*Thứ nhất*, công tác hộ tịch nhìn chung được triển khai đồng bộ, thực hiện đúng theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về chuyên môn nghiệp vụ; hiệu lực quản lý nhà nước ngày một tăng cường.

*Thứ hai*, việc ban hành văn bản áp dụng các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật do cấp trên ban hành nhất là hệ thống văn bản hướng dẫn nghiệp vụ được thực hiện kịp thời, phù hợp với điều kiện của từng địa phương;

*Thứ ba*, bộ máy cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ tịch đã được củng cố, bổ sung kịp thời và thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu nghiệp vụ cho cán bộ Tư pháp - hộ tịch và những người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch.

*Thứ bốn*, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hộ tịch được trang bị ngày càng đầy đủ hơn.

*Thứ năm*, việc tiếp nhận và giải quyết các sự kiện đăng ký hộ tịch đúng thẩm quyền, giải quyết kịp thời các yêu cầu của công dân. Các thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch ngày càng được đơn giản hóa giảm bớt các loại giấy tờ mà người dân phải nộp hoặc xuất trình khi đăng ký hộ tịch và rút ngắn thời gian giải quyết. Có thể thấy các thủ tục đăng ký hộ tịch mới được thiết lập theo hướng gia tăng trách nhiệm của cán bộ và cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch đồng thời giảm nhẹ trách nhiệm chứng minh của người dân khi đi đăng ký hộ tịch. Các phương thức đăng ký được đa dạng hóa; phân cấp mạnh thẩm quyền đăng ký hộ tịch cho cấp huyện và cấp xã đã tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân khi đăng ký hộ tịch. Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các địa phương trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện, trong đó có lĩnh vực đăng ký hộ tịch, mọi quy trình, thủ tục giải quyết từng

loại việc, mức thu lệ phí được niêm yết công khai, minh bạch tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

Thực hiện đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch. Phần đầu đến năm 2015 đạt 100% trẻ em sinh ra ở các xã thuộc đồng bằng, đô thị và 70% trở lên trẻ em sinh ra ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được đăng ký khai sinh đúng hạn theo quy định, các năm từ 2016 đến 2020 mỗi năm tăng dần ít nhất là 5% đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

*Thứ sáu*, công tác thanh tra, kiểm tra về đăng ký và quản lý hộ tịch được thực hiện thường xuyên. Hàng năm Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện với chức năng, nhiệm vụ được quy định đã ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện và xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các hành vi vi phạm; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương.

*Thứ bảy*, công tác thống kê, báo cáo được thực hiện thường xuyên theo định kỳ và đột xuất. Các số liệu về sự kiện hộ tịch được cập nhật chính xác, đầy đủ.

*Thứ tám*, công tác lưu trữ sổ sách được thực hiện quy củ hơn, lưu trữ đầy đủ hơn. Các loại sổ, biểu mẫu dùng để đăng ký hộ tịch được sử dụng đúng mẫu Bộ Tư pháp ban hành, các xã, thị trấn sử dụng sổ kép, thực hiện khóa sổ (ghi rõ vào trang cuối sổ tổng số trang, tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký), đóng giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ theo đúng quy định và chuyển lưu 01 quyển đến Ủy ban nhân dân huyện thực hiện lưu trữ theo quy định; chữ viết trong sổ hộ tịch rõ ràng, dễ đọc; sổ lưu và hồ sơ lưu về đăng ký các sự kiện hộ tịch được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp ngăn nắp, khoa học thuận lợi cho công tác tra cứu, sao lục khi cần, các tủ đựng lưu trữ sổ sách hộ tịch được Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trang bị riêng đảm bảo cho công tác lưu trữ. Niêm yết các thủ tục, trình tự, thời gian và lệ phí về hộ tịch đúng quy định pháp luật, thuận lợi cho dân khi có yêu cầu.

*Thứ chín*, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân cũng như của đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ tịch được nâng lên;



tỷ lệ đăng ký hộ tịch ngày càng tăng; kết quả đăng ký hộ tịch tăng dần qua các năm phần nào phản ánh sự đầu tư của chính quyền các cấp cho công tác hộ tịch. Bên cạnh đó tỷ lệ đăng ký quá hạn có dấu hiệu giảm nhẹ. Trong đó, tình hình đăng ký khai sinh và đăng ký kết hôn được tập trung chú trọng và đạt được kết quả khả quan, đây là hai sự kiện hộ tịch đạt được tỷ lệ đăng ký nhiều nhất trong những năm qua. Đăng ký khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con; thay đổi cải chính hộ tịch, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch cũng được người dân quan tâm và thực hiện đăng ký với chính quyền. Đồng thời, các sự kiện hộ tịch có yếu tố nước ngoài cũng từng bước đi vào nề nếp quản lý. Tình hình đăng ký lại việc sinh ngày càng nhiều hơn xuất phát từ việc tham gia sâu rộng các quan hệ pháp luật trên nhiều bình diện xã hội của công dân.

#### *2.3.1.2. Nguyên nhân*

Để có được những kết quả trên đây, qua nghiên cứu, cho thấy là do:

*Một là*, trong tổ chức bộ máy, các ngành, các cấp và toàn xã hội đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch nên đã có sự quan tâm ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, từ việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đến việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

*Hai là*, trong xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch, đã có những giải pháp mang tính đổi mới, theo hướng hiện đại hóa công tác quản lý cán bộ, xây dựng được tiêu chuẩn đánh giá công chức Tư pháp - Hộ tịch dựa trên kết quả công việc, không ngừng củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch.

*Ba là*, thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của cơ quan Tư pháp cấp trên; sự phối hợp chặt chẽ của các ngành có liên quan như: Công an, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nội vụ, Lao động, Thương binh và xã hội..., của các tổ chức đoàn thể và của toàn xã hội đối với công tác này.

*Bốn là*, sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của đội ngũ công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đăng ký, quản lý nhà nước về hộ tịch nhất là ở cấp xã. Từ việc không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đến việc trau dồi, rèn luyện đạo đức, đổi mới phong cách làm việc. Sắp xếp bố trí thời gian hợp lý, khoa học để vừa đáp ứng yêu cầu đăng ký “kịp thời, đầy đủ, chính xác” các sự kiện hộ tịch, vừa thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

*Năm là*, đã làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân, nhất là những đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo về tầm quan trọng của công tác đăng ký quản lý hộ tịch thông qua những hình thức phù hợp. Nhờ vậy, ý thức pháp luật của cán bộ và nhân dân ngày càng được nâng cao. Công dân tự giác hơn, thực hiện nghiêm túc hơn quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của mình.

*Sáu là*, kinh phí đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về hộ tịch dù còn nhiều hạn chế nhưng đã phần nào khắc phục được một phần khó khăn của công tác này.

### ***2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân***

#### ***2.3.2.1. Về hạn chế***

Bên cạnh những mặt đã đạt được như đã nêu trên, hiện tại công tác đăng ký và quản lý hộ tịch vẫn còn những hạn chế, yếu kém, nên đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý dân cư và quản lý xã hội, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý hộ tịch.

Quan hệ phối hợp giữa các ngành trong lĩnh vực hộ tịch còn tồn tại nhiều hạn chế. Các cơ quan như Tòa án nhân dân, Công an tỉnh An Giang trong khai thác, trao đổi thông tin hộ tịch với cơ quan quản lý hộ tịch thuộc tỉnh An Giang chưa thực sự triển khai thường xuyên và chưa có quy chế phối hợp tổng thể, năng động, nhanh chóng, kịp thời và thông minh. Do đó, việc quản lý các sự kiện cũng như dữ liệu hộ

tịch liên quan đến một công dân từ khi sinh ra, nhập hộ khẩu, kết hôn, ly hôn, khai tử... còn rời rạc.

Với việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công an thì do hạn chế trong việc trao đổi, chia sẻ thông tin về hộ tịch với thông tin về dân số dẫn tới những khó khăn trong việc điều tra, thống kê số liệu về dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, phân bố dân cư trên toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, một số cơ quan có liên quan hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang chưa thực sự coi trọng giá trị pháp lý của các giấy tờ hộ tịch của công dân khi cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ có liên quan đến hồ sơ, lý lịch của công dân nên vẫn có sự sai lệch giữa các loại giấy tờ của một cá nhân, gây khó khăn cho công dân và các cơ quan quản lý nhà nước. Nghị định 123/2015/NĐ-CP đã quy định rất rõ về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, nhất là Giấy khai sinh nhưng một số ngành còn lặt hậu trong lưu trữ dữ liệu, phân quyền nên không thực hiện đúng quy định, thậm chí nghi ngờ tính chính xác các giấy tờ hộ tịch để từ chối sự hợp tác trong quá trình giải quyết.

*Thứ hai, về đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch.*

Qua số liệu đăng ký hộ tịch nêu trên cho thấy cấp xã là cấp giải quyết chủ yếu và trực tiếp các sự kiện hộ tịch của người dân, số việc hộ tịch cấp xã chiếm trên 90% số việc hộ tịch của toàn tỉnh An Giang. Nhưng đây cũng là cấp có cán bộ biến động, thay đổi thiếu ổn định nhiều nhất. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã ngoài trách nhiệm đảm nhận công việc chuyên môn còn phải hoàn thành nhiều công việc khác từ chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân phân công do đó thời gian dành cho rèn luyện, học tập, nghiên cứu các văn bản pháp luật chưa được nhiều. Trong khi đó, với khối lượng công việc không nhỏ, phức tạp theo hướng tăng thẩm quyền cho cấp xã như hiện nay đòi hỏi mỗi cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phải có trình độ chuyên môn vững vàng mới có thể đáp ứng được yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, ở nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang nhất là những vùng cận biên giới, đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa được bố trí ổn định, lâu dài đã gây khó khăn không nhỏ đối với công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Một

số cán bộ hộ tịch còn hạn chế về trình độ văn hóa, cụ thể tại hai huyện miền núi giáp và đầu nguồn nơi tiếp giáp với biên giới Campuchia như ở huyện Tịnh Biên 02 cán bộ về trình độ văn hóa chỉ đạt mức trung học cơ sở đang công tác tại xã Lê Trì và Thị trấn Ba Chúc. Và 01 cán bộ có trình độ văn hóa trung học cơ sở tại xã Vĩnh Trường thuộc huyện An Phú.

Mặt khác, đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã thường xuyên có sự biến động, nhất là sau các đợt đại hội Đảng hoặc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, một số cán bộ Tư pháp - Hộ tịch có trình độ nghiệp vụ, có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực này lại được đề bạt chức vụ cao hơn hoặc được bố trí công tác khác, cán bộ thay thế lại thiếu kinh nghiệm chuyên môn, một số khác thì không có chuyên môn hoặc chuyên môn không phù hợp với công việc Tư pháp - Hộ tịch.

Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tập huấn nghiệp vụ chỉ mới dừng lại chủ yếu là đối tượng tham mưu, giúp việc (cán bộ Tư pháp - Hộ tịch) mà chưa quan tâm đúng mức chủ thể có thẩm quyền quyết định, những người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, đó là Chủ tịch, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

*Thứ ba*, việc ghi chép và lưu trữ hồ sơ, sổ hộ tịch.

Việc ghi chép sổ hộ tịch còn chưa đúng quy định: điển hình nhiều trường hợp ghi không đủ nội dung, dữ liệu trong mẫu giấy tờ hộ tịch có sẵn như không ghi nơi sinh trong giấy khai sinh hoặc chỉ ghi xã và còn viết tắt. Trong sổ hộ tịch thì không ghi tên, chức vụ của người ký cấp giấy tờ hộ tịch, chữ ký của cán bộ Tư pháp - Hộ tịch, không có chữ ký của người đi đăng ký khai sinh; cột ghi chú thì không ghi đăng ký quá hạn, đăng ký lại, ghi chưa chính xác về quan hệ giữa người đi khai với người được đăng ký sự kiện hộ tịch. Không ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của người vợ và người chồng trong giấy đăng ký kết hôn, đặc biệt là có trường hợp còn không có chữ ký của hai bên vợ và chồng trong sổ đăng ký kết hôn, dẫn đến việc không đảm bảo sự tự nguyện trong đăng ký kết hôn.

Các sự kiện hộ tịch đã đăng ký được lưu trong sổ hộ tịch; việc lưu trữ sổ sách, hồ sơ theo phương pháp thủ công, chưa được ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lưu trữ, quản lý nên chưa có sự liên thông giữa các ngành, các cấp thuộc

tỉnh An Giang và việc tra cứu dữ liệu rất khó khăn, mất nhiều thời gian và không tránh khỏi sai sót.

Theo quy định hiện hành thì mỗi sự kiện hộ tịch được đăng ký ở một loại Sổ đăng ký hộ tịch khác nhau, dẫn đến tình trạng dữ liệu hộ tịch của cá nhân bị phân tán, thậm chí không thống nhất (có những trường hợp mỗi một loại Sổ hộ tịch lại ghi không giống nhau về thông tin của một người). Sổ sách, giấy tờ hộ tịch ở một số huyện, xã thuộc tỉnh An Giang do điều kiện phát triển về kinh tế và xã hội chưa đồng đều nên chưa có kho lưu trữ riêng dẫn đến việc mất sổ hộ tịch vẫn còn xảy ra.

*Thứ tư*, cấp giấy tờ hộ tịch còn tùy tiện, việc đăng ký chậm trễ.

Công tác cấp giấy tờ hộ tịch trong thời gian qua tại một số địa phương thuộc tỉnh An Giang còn nhiều trường hợp đăng ký sự kiện hộ tịch chỉ dựa vào lời khai của người đi khai mà không yêu cầu cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định để chứng minh sự kiện hộ tịch là có thật. Bởi có nhiều cán bộ quản lý hộ tịch trong một số những trường hợp phức tạp, do quen biết, nể nang, sợ dân phản ánh nên không đi thực tế xác minh làm rõ mà vẫn ký và cấp, suy cho cùng đã làm hợp thức hóa cái sai của họ thành cái đúng; khi giải quyết hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch công chức làm công tác hộ tịch chưa kiểm tra, xem xét kỹ các hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch đã trình Chủ tịch ký Quyết định cải chính, thay đổi hộ tịch; đặc biệt là hồ sơ về cải chính ngày, tháng, năm sinh không đảm bảo được nguyên tắc của Nghị định 158/2005/NĐ-CP: “mọi hồ sơ, giấy tờ đều phải phù hợp giấy khai sinh”. Công chức làm công tác hộ tịch chỉ căn cứ vào các loại giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, lý lịch đảng viên, sổ bảo hiểm và các loại bằng cấp học bạ... là được cải chính ngày, tháng, năm sinh dẫn đến công dân lợi dụng việc cải chính để hợp thức hóa giấy tờ cá nhân vì mục đích khác.

Vẫn còn tình trạng đăng ký chưa kịp thời, thiếu chính xác, chưa đầy đủ các sự kiện hộ tịch. Tỷ lệ trẻ em chưa được đăng ký khai sinh hoặc đăng ký quá hạn, đăng ký lại vẫn còn cao, tập trung chủ yếu ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa thuộc các huyện như: Thoại Sơn, Phú Tân, Châu Thành, An Phú. Nhiều trường hợp “chờ” con đến tuổi vào lớp 1 bố mẹ mới đi khai sinh cho con. Tình trạng tùy tiện

trong đăng ký khai sinh nhất là những năm trước năm 2011 vẫn còn xảy ra nhiều, như đăng ký không đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền. Có người được cấp 2 - 3 giấy khai sinh với những thông tin khác nhau.

Ở một số xã, phường thuộc tỉnh An Giang còn xảy ra tình trạng, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp “khống” giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vẫn còn tình trạng đăng ký kết hôn vắng mặt; vi phạm điều kiện kết hôn (đăng ký kết hôn cho trường hợp đang có vợ hoặc đang có chồng). Hiện tượng chung sống với nhau không đăng ký kết hôn vẫn còn, nhất là ở các xã vùng biên giới, kể cả giữa người Việt Nam và người Campuchia.

Nhiều trường hợp chết nhưng không đăng ký khai tử, những trường hợp có đăng ký cũng chưa chính xác về mặt thời gian (đặc biệt là giờ chết).

*Thứ năm*, về đầu tư cơ sở, vật chất, tập huấn nghiệp vụ phục vụ công tác hộ tịch.

Việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ công tác này chưa tương xứng với nhiệm vụ đề ra. Trong khi, hiện nay đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có khoảng từ 80-88% cán bộ có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Với lực lượng này nếu chúng ta trang bị đầy đủ máy vi tính có nối internet, máy photocopy... và triển khai tập huấn cho cán bộ Tư pháp - Hộ tịch nắm vững phần mềm quản lý hộ tịch từ Sở đến địa phương thì việc tham mưu giải quyết các sự việc hộ tịch sẽ nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu kịp thời của người dân, không để dân phải đi lại nhiều lần.

*Thứ sáu*, về công tác thống kê, báo cáo.

Chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch. Chế độ thông tin, báo cáo số liệu hộ tịch định kỳ chưa được thực hiện một cách kịp thời trong toàn hệ thống. Mặc dù thời hạn báo cáo đã được quy định cụ thể cho từng loại báo cáo quý, sáu tháng và năm nhưng một số xã đầu nguồn, xã vùng núi dẫn còn chậm trễ so với quy định. Cùng với việc chưa xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin hộ tịch trên toàn quốc, khiến cho hoạt động quản lý hộ tịch hiện nay chưa thực sự phát huy vai trò quan trọng hàng đầu của nó là cung cấp số liệu về tình hình

dân cư phục vụ cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Nhà nước. Đồng thời gây trở ngại cho việc tìm kiếm số liệu phục vụ nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn

*Thứ bảy*, thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, khó áp dụng, khó thực hiện.

Vẫn còn tình trạng chông chéo về chức năng nhiệm vụ, còn nhiều cấp quản lý và cấp đăng ký hộ tịch. Quá trình đăng ký hộ tịch vẫn còn tình trạng tự đặt thêm các thủ tục giấy tờ hoặc máy móc trong áp dụng pháp luật gây phiền hà cho người dân khi yêu cầu đăng ký hộ tịch.

#### *2.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế*

*Một là*, hệ thống pháp luật còn phức tạp và chông chéo.

Văn bản quy định về hộ tịch thì ngoại trừ các quy định mang tính nguyên tắc trong Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật nuôi con nuôi năm 2010... Thì văn bản trực tiếp điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch cao nhất là Nghị định và Thông tư. Đến năm 2016, Luật Hộ tịch được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thời gian có hiệu lực đến nay còn quá ngắn nên phần triển khai thực hiện còn gặp nhiều vướng mắc tại địa phương.

- Tại khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con đối với trường hợp người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con. Nhưng khi công dân có yêu cầu thì Tòa án không thụ lý đơn và cũng không ra thông báo không thụ lý vì Tòa án cho rằng không có tranh chấp (Tòa án chỉ thụ lý khi có tranh chấp xảy ra). Vì vậy, ủy ban nhân dân cấp xã không có cơ sở để giải quyết cho công dân.

- Theo quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hộ tịch thì có quy định việc cấp lại bản chính giấy khai sinh nhưng theo Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch hiện nay thì không quy định việc cấp lại bản chính giấy khai sinh. Vấn đề này, các Phòng Tư pháp hiện nay không có cơ sở để trả lời cho công dân và gặp khó khăn trong việc công dân yêu cầu cải chính

và thậm chí đã có nhiều cơ quan, tổ chức chưa quen với Trích lục hộ tịch nên vẫn yêu cầu công dân xuất trình bản chính giấy khai sinh.

- Luật Hộ tịch quy định việc đăng ký sinh không phụ thuộc vào nơi cư trú của cha, mẹ nhưng trên thực tế có những trường hợp công dân đăng ký khai sinh quá hạn cho trẻ theo nơi thường trú người cha nhưng đã làm mất giấy chứng sinh. Vì chưa có cơ sở dữ liệu hộ tịch nên cán bộ hộ tịch chưa tra cứu được trường hợp này đã đăng ký khai sinh theo nơi thường trú của người mẹ hay chưa?

- Thủ tục đăng ký giám hộ đối với người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 22 Bộ Luật Dân sự 2015 thì Tòa án ra quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định. Nhưng trên thực tế khi công dân có yêu cầu giám hộ cho người thân bị bệnh tâm thần thì lại không cung cấp được Quyết định của Tòa án. Điều này cho thấy, Luật hộ tịch quy định thẩm quyền cho cấp xã nhưng khi đi vào thực hiện thì lại phụ thuộc vào một cơ quan chức năng khác.

- Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con: "...phải có thư từ, phim ảnh, băng đĩa, đồ dùng, vật dụng khác để chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con...", quy định này gây rất nhiều khó khăn cho công chức hộ tịch vì công chức hộ tịch không thể xác định được đâu là đúng sự thật và đâu là giả mặc dù có hai người làm chứng và đã giải thích rõ trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan, làm chứng không đúng sự thật.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định 123/2015/NĐ-CP, đối tượng phải làm thủ tục ghi chú việc ly hôn là công dân Việt Nam. Nhưng hiện nay địa phương vẫn đang lúng túng trong việc áp dụng đối với trường hợp là người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã ly hôn nay về Việt Nam kết hôn mới thì có phải ghi chú ly hôn hay không? Liên quan đến người Việt Nam định cư ở nước ngoài là liên quan đến việc xác định quốc tịch (một hay hai quốc tịch), pháp luật áp dụng và hệ quả của các quan hệ pháp lý khi mà người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước



tham gia. Đây là vấn đề hết sức phức tạp, trong khi Luật quốc tịch Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành còn nhiều khoảng trống, chưa được xử lý.

- Những quy định chưa rõ ràng giữa Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp với Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP [47] liên quan đến việc cấp xác nhận tình trạng hôn nhân cho người chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987: theo Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP thì trường hợp “chung sống với nhau như vợ chồng” trước ngày 03/01/1987 đến nay vẫn chung sống với nhau mà chưa đăng ký kết hôn thì được công nhận là hiện tại đang có vợ/chồng. Trong khi đó, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP (điểm b khoản 4 Điều 2) thì xác định “người đang có vợ hoặc có chồng” là người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn, chưa ly hôn, không có sự kiện vợ/chồng của họ chết hoặc bị tuyên bố là đã chết.

- Việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người đã qua nhiều nơi cư trú khác nhau (khoản 4 Điều 22 Nghị định 123/2015/NĐ-CP), ủy ban nhân dân cấp xã đã có văn bản đề nghị nơi thường trú trước đây xác minh nhưng hết thời hạn thì vẫn không nhận được kết quả phản hồi do không có quy chế phối hợp trong việc giải quyết các vấn đề hộ tịch nên gặp rất nhiều khó khăn cho ủy ban nhân dân cấp xã.

*Hai là, việc phân cấp thẩm quyền đăng ký chưa triệt để.*

Phân định thẩm quyền đăng ký hộ tịch hiện nay tuy đã bảo đảm được sự minh bạch, rõ ràng và đã có sự phân cấp nhất định, nhưng còn chưa triệt để và dàn trải và chia thành nhiều cấp, với nhiều cơ quan thực hiện khác nhau, nên đã dẫn đến một số hạn chế, bất cập đối với tổ chức bộ máy quản lý và việc thực hiện đăng ký hộ tịch.

Việc phân chia thẩm quyền đăng ký hộ tịch thành nhiều cấp không chỉ dẫn đến tình trạng gây công kênh, đồ sộ cho bộ máy thực hiện việc đăng ký hộ tịch mà còn dẫn đến sự phức tạp, không rõ ràng trong việc xác định thẩm quyền và thủ tục

đăng ký hộ tịch, gây khó khăn cho người dân, thậm chí cả cán bộ Tư pháp - Hộ tịch trong việc xác định thẩm quyền đăng ký hộ tịch.

*Ba là*, nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch nên chưa quan tâm đầu tư đúng mức, thậm chí có nơi, có thời gian còn coi nhiệm vụ này là của riêng ngành Tư pháp, của cán bộ Tư pháp - Hộ tịch. Ý thức pháp luật trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên chưa cao. Chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và sự cần thiết của đăng ký, quản lý hộ tịch.

*Bốn là*, đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch phải kiêm nhiệm nhiều công việc và không ổn định.

Hiện nay, ở các xã, phường, thị trấn, công chức Tư pháp - Hộ tịch ngoài việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải đảm nhiệm 12 đầu việc, trong đó có việc đăng ký và quản lý hộ tịch, cụ thể theo Bộ thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang năm hiện nay thì lĩnh vực Tư pháp gồm 85 thủ tục, đây là lĩnh vực có danh mục cao nhất so với các lĩnh vực khác ở cấp xã. Trong khi đó, trên thực tế, tính chất chuyên môn của công tác hộ tịch và các công tác Tư pháp khác (công tác văn bản, tuyên truyền pháp luật, hòa giải...) rất khác nhau, không phù hợp với việc ghép chung một cách cơ học hai loại nhiệm vụ này trong cùng một chức danh Tư pháp - Hộ tịch. Cũng chính vì phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, nên công chức Tư pháp - Hộ tịch không có thời gian đầu tư cho việc nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật kịp thời những văn bản mới. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa được chuyên nghiệp. Mặt khác đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch là vị trí dễ bị thay đổi theo nhiệm kỳ của Ủy ban nhân dân xã nên chuyên môn bị hạn chế do không được bồi dưỡng nghiệp vụ kịp thời. Đây là nguyên nhân làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch. Qua số liệu đăng ký hộ tịch nêu trên cho thấy cấp xã là cấp giải quyết chủ yếu và trực tiếp

các việc hộ tịch của người dân, số việc hộ tịch cấp xã chiếm trên 90% số việc hộ tịch của toàn tỉnh, nhưng đây cũng là cấp có cán bộ biến động nhiều nhất.

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch còn hạn chế: Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ nói chung, trong đó có công chức Tư pháp - Hộ tịch còn chưa được chú trọng, chưa thực sự trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc quản lý, sử dụng đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch; chưa gắn việc quy hoạch với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, do vậy nhiều xã còn thiếu hụt về nguồn cán bộ thay thế trong quá trình thay đổi, bố trí, sắp xếp cán bộ công chức. Một số nơi, việc tuyển dụng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chưa thật sự công khai, dân chủ theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nên chưa khuyến khích, thu hút được người có trình độ, năng lực tham gia dự tuyển vào chức danh Tư pháp - Hộ tịch. Mặt khác lãnh đạo một số xã chưa thật sự nhìn nhận đúng về vị trí, vai trò tầm quan trọng của công chức Tư pháp - Hộ tịch nên chưa thật sự quan tâm đầu tư đúng mức cho công tác này.

Đối với công chức làm công tác hộ tịch ở các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố thì chủ yếu là kiêm nhiệm rất nhiều công việc khác nhau, ở cấp huyện hiện nay theo Bộ thủ tục hành chính được áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay thì lĩnh vực Tư pháp bao gồm 35 thủ tục hành chính tư pháp. Đặc biệt là khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 tăng thẩm quyền chứng thực cho Phòng Tư pháp cấp huyện thì khối lượng công việc của các Phòng Tư pháp đều trong tình trạng quá tải. Bên cạnh đó công chức làm công tác hộ tịch còn phải chịu áp lực về thời gian giải quyết công việc, thời gian giải quyết các hồ sơ về hộ tịch là giải quyết ngay trong ngày đến 05 ngày. Với khối lượng công việc phải kiêm nhiệm nhiều và áp lực về mặt thời gian nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quản lý của nhà nước đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

Mặt khác, đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã không ổn định, thường xuyên có sự biến động, nhất là sau các đợt đại hội Đảng hoặc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, một số cán bộ tư pháp hộ tịch có trình độ nghiệp vụ, có

năng lực và kinh nghiệm công tác được đề bạt chức vụ cao hơn hoặc được bố trí công tác khác, cán bộ thay thế thiếu kinh nghiệm công tác, một số lại không có chuyên môn hoặc chuyên môn không phù hợp.

*Năm là, ý thức pháp luật của người dân.*

Thực tế, ý thức của người dân đối với quyền và nghĩa vụ hộ tịch của bản thân còn hạn chế nên tình trạng đăng ký hộ tịch quá hạn thậm chí không tiến hành đăng ký vẫn còn trong nhân dân.

Do các bậc cha, mẹ hoặc những người có liên quan chưa có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng, ý nghĩa pháp lý của việc đăng ký khai sinh; chưa xác định đăng ký khai sinh vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của những người làm bố, làm mẹ. Không biết được không đăng ký khai sinh cho trẻ là vi phạm Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em và Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em. Số khác thì ý thức được mức độ nhất định về trách nhiệm của mình nhưng ngại mất thời gian.

Diễn hình như, ở nông thôn một số vùng miền đặc thù của tỉnh An Giang do bố mẹ bận việc đồng áng, nên khi trẻ vào lớp 1, cô giáo là người đi khai sinh cho trẻ nên khai sai tên bố mẹ hoặc tự ý bổ sung thêm tên đệm, chữ lót cho trẻ dẫn đến tình trạng các thông tin trong giấy khai sinh khác với các thông tin trong các loại giấy tờ khác. Cũng có tình trạng do sinh con thứ 3 nên khi đăng ký khai sinh sợ bị phạt nên bố mẹ của trẻ không muốn đăng ký khai sinh cho con. Điều này cho thấy một bộ phận dân cư chưa có ý thức trách nhiệm về độ chính xác đối với lời khai đăng ký hộ tịch của mình (đây chính là lý do dẫn đến số lượng việc cải chính, điều chỉnh hộ tịch), đẩy trách nhiệm xác minh về phía nhà nước, dần dần tạo một tâm lý lo ngại, thiếu tin tưởng cho công chức làm công tác hộ tịch khi thực hiện nhiệm vụ.

*Sáu là, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính chưa gắn liền với đặc thù của công việc hộ tịch.*

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông (theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa

phương) đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong đăng ký quản lý hộ tịch, đôi khi lại có tác động ngược lại, đặc biệt là tiến độ xử lý hồ sơ. Để có thể giải quyết được hết mọi yêu cầu đăng ký hộ tịch, đòi hỏi cán bộ giải quyết hồ sơ phải chuyên sâu để kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ, nhưng thực tế trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia vào quy trình “một cửa”, cụ thể là cán bộ tiếp nhận hồ sơ còn hạn chế về trình độ chuyên môn vì đa số cán bộ được bố trí vào vị trí này là cán bộ văn phòng.

Mặt khác, theo quy định hiện nay thì một số việc đăng ký hộ tịch phải giải quyết ngay (như đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp lại bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc...) nếu cứ áp dụng quy trình nộp hồ sơ cho bộ phận một cửa, bộ phận một cửa chuyển cho phòng hoặc cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ, sau đó lại chuyển lên bộ phận một cửa...thì không thể bảo đảm trả kết quả cho công dân ngay trong ngày.

*Bảy là*, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra.

Công tác thanh tra chưa thật sự nghiêm minh; hoạt động giám sát, kiểm tra chưa khách quan, trung thực. Các vi phạm trong đăng ký quản lý hộ tịch xử lý chưa nghiêm, thậm chí không xử lý.

*Tám là*, phương thức đăng ký hộ tịch còn mang tính chất thủ công, mức độ áp dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Cho đến nay, An Giang vẫn chưa có mạng liên thông kết nối dữ liệu hộ tịch giữa cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh. Một số huyện và xã mới chỉ có phần mềm công cụ hỗ trợ đơn giản cho công tác hộ tịch từ nhiều nguồn, do nhiều đối tác cung cấp khác nhau, nên chỉ mang tính cục bộ, khó có khả năng kết nối thông tin với các địa phương khác, các cơ quan và các ngành khác. Cho nên, khả năng chia sẻ thông tin hộ tịch giữa các cấp, các ngành và khả năng phục vụ nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin hộ tịch của người dân gặp rất nhiều khó khăn.

Các phương thức đăng ký hộ tịch hiện nay chủ yếu vẫn thực hiện theo phương pháp thủ công giản đơn (ghi bằng tay, lưu bằng giấy). Do chưa có cơ sở dữ

liệu về hộ tịch nên việc lưu bằng sổ giấy dễ dẫn bị hỏng, bị mất, từ đó không đáp ứng được yêu cầu thống kê số liệu cũng như yêu cầu cấp giấy tờ hộ tịch cho người dân. Mặt khác mỗi sự kiện hộ tịch (sinh, kết hôn, tử, nuôi con nuôi, giám hộ...) vẫn được đăng ký vào một sổ riêng (sổ đăng ký khai sinh, sổ đăng ký kết hôn, sổ đăng ký khai tử, sổ đăng ký nuôi con nuôi...), các sự kiện hộ tịch của một người có thể được đăng ký ở nhiều địa phương, nhiều cấp khác nhau, thậm chí ở nước ngoài. Nên dẫn đến tình trạng các dữ liệu hộ tịch của cá nhân bị phân tán, cơ quan đăng ký hộ tịch không quản lý được dữ liệu hộ tịch cá nhân. Nhà nước cũng không nắm được sự di biến động về hộ tịch.

Quy định về lưu trữ sổ hộ tịch (một quyển lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 quyển lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện). Tuy nhiên theo thống kê số liệu nhiều địa phương không lưu được đầy đủ sổ các năm ở cấp huyện và cấp xã. Dữ liệu hộ tịch không đầy đủ đã làm hạn chế khả năng khai thác thông tin hộ tịch để phục vụ yêu cầu của người dân và cơ quan, tổ chức, giảm hiệu quả quản lý dân cư, quản lý xã hội. Số liệu hộ tịch chưa đóng góp được nhiều cho công tác dự báo, hoạch định, xây dựng và thực thi chính sách về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của thành phố.

Ngoài ra, các giấy tờ hộ tịch được cấp cho cá nhân chỉ có nội dung ghi về một sự kiện hộ tịch đã được đăng ký, nên khi cần chứng minh tình trạng hộ tịch, người dân phải xuất trình tất cả các loại giấy tờ hộ tịch đã được cấp. Hồ sơ đăng ký hộ tịch còn nhiều loại giấy tờ có nhiều thông tin trùng lặp (tờ khai, chứng minh nhân dân, hộ khẩu...), yêu cầu cải cách thủ tục hành chính chưa gắn với đặc thù của công việc hộ tịch. Như vậy với phương thức đăng ký hộ tịch này sẽ không phù hợp với định hướng xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp và hiện đại.

Tóm lại, do những bất cập nêu trên nên việc đạt tới mục tiêu đăng ký và quản lý “*kịp thời, đầy đủ, chính xác*” mọi sự kiện hộ tịch của công tác quản lý hộ tịch còn rất nhiều việc phải làm. Hệ quả thực tế là hiện nay khả năng cung cấp thông tin của hệ thống quản lý hộ tịch phục vụ cho việc hoạch định chính sách kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... còn hạn chế. Các sự kiện hộ tịch chưa được đăng ký đầy đủ

và đúng hạn đang là yếu tố cản trở đối với công tác thống kê hộ tịch, chất lượng thông tin của các thông số về khai sinh, khai tử chưa thể phản ánh thực chất sự vận động của dân số. Nhìn từ khía cạnh khác, quản lý và đăng ký hộ tịch chưa được đặt đúng vị trí với tư cách là loại hình dịch vụ công thiết yếu và quan trọng bậc nhất mà trong đó, mỗi người dân đều có quyền đòi hỏi được cung cấp những dịch vụ tốt hơn vào những khoảnh khắc quan trọng của đời họ bằng sự cần mẫn và tính chuyên nghiệp của nền công vụ.

### ***Tiểu kết chương 2***

Trên đây là thực trạng về quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015 và 6 tháng đầu năm 2016. Dựa trên cơ sở nghiên cứu về khái niệm cũng như đặc điểm của quản lý hộ tịch tại chương 1 khi áp dụng thực tiễn trên địa bàn cụ thể đã đem lại những kết quả nhất định cũng như gặp phải những hạn chế tất yếu trong công cuộc đổi mới nền hành chính. Thông qua những phân tích về thực tiễn nói trên có thể rút ra những kết luận sau:

- Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch ở tỉnh An Giang nhìn chung được chính quyền địa phương giành sự quan tâm thích đáng cho công tác hộ tịch. Bộ máy quản lý hộ tịch được kiện toàn phù hợp yêu cầu phát triển thực tế với đội ngũ cán bộ được củng cố đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.

- Thực trạng về quản lý hộ tịch được thể hiện dưới các hoạt động cụ thể bao gồm: Điều chỉnh pháp luật tương ứng phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính; rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức hộ tịch; ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách thủ tục hành chính về quản lý hộ tịch; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện thủ tục...

- Ngoài những thành tựu đáng kể, quá trình cải cách thủ tục hành chính về quản lý hộ tịch vẫn còn những hạn chế, yếu kém ảnh hưởng tới chất lượng công tác quản lý đăng ký và quản lý hộ tịch.

### Chương 3

## QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

### NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH

#### 3.1. Nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu tất yếu và cấp bách cần phải tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch xuất phát từ những nhu cầu sau:

*Một là*, hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch là hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật nên phải được tiến hành trên cơ sở thực hiện đường lối chính sách của Đảng nhằm đảm bảo quyền công dân, quyền con người nói chung cũng như các yêu cầu phát triển xã hội nói chung. Xuất phát từ quan điểm trên đòi hỏi phải hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch.

*Hai là*, tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tác động ngày càng đi vào chiều sâu, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội theo hướng ngày càng rộng khắp và phức tạp. Những thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về hộ tịch cũng được đặt ra. Vì vậy đòi hỏi bộ máy hành chính nhà nước phải đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

*Ba là*, sự phát triển của khoa học kỹ thuật cùng với những thay đổi về kinh tế chính trị, kinh tế của quốc tế và khu vực đòi hỏi phải hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính quản lý nhà nước về hộ tịch thì mới có thể thích ứng và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

*Bốn là*, bên cạnh những kết quả, ưu điểm đạt được từ thực tiễn tỉnh An Giang vẫn còn những tồn tại yếu kém đã làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch đòi hỏi cần phải khắc phục trong thời gian tới.

*Năm là*, theo Luật Nhân quyền quốc tế, nhà nước có nghĩa vụ hàng đầu trong bảo đảm quyền con người. Nhà nước có nghĩa vụ phê chuẩn hoặc tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người, thực hành dân chủ và áp dụng nguyên tắc pháp quyền trong quản lý xã hội nhằm làm cho mọi người được hưởng các quyền tự do cơ bản như: sinh; tử; kết hôn; thay đổi, cải chính hộ tịch...



*Sáu là*, bằng các biện pháp tích cực, chủ động, nhà nước có trách nhiệm xây dựng khung thể chế: tổ chức, bộ máy, con người nhằm làm cho Luật hộ tịch và các chuẩn mực về quyền con người được hiện thực hóa trong cuộc sống. Chỉ riêng các điều luật về hộ tịch không thôi thì không thể đảm bảo được quyền con người. Cần có những thiết chế hỗ trợ quá trình thi hành Luật Hộ tịch.

*Bảy là*, cần huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp vào quá trình bảo vệ, thúc đẩy quyền con người phù hợp với Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (1966). Trong thời kỳ đổi mới, pháp luật Việt Nam đã tạo thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức này trong quá trình bảo vệ quyền con người. Trong thời gian qua, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đóng vai trò ngày càng tích cực trong những hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về tầm quan trọng của pháp luật hộ tịch; thúc đẩy sự bình đẳng giới; trợ giúp pháp lý; xóa đói giảm nghèo, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc quản lý nhà nước về hộ tịch.

### **3.2. Quan điểm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay**

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch cần xem xét mối tương quan giữa kết quả đạt được so với mục đích đề ra cùng với mức độ chi phí các nguồn lực trên các phương diện kinh tế xã hội. Để đạt được mục đích nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch cần dựa trên những quan điểm cơ bản sau:

*Một là*, việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch cần quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển:

Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện và phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, coi nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững [29, tr.7].

Quan điểm này chỉ rõ quản lý nhà nước về hộ tịch cần được đổi mới và bám sát mục tiêu chiến lược phát triển con người Việt Nam. Quản lý nhà nước về hộ tịch

liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước với công dân. Công tác quản lý nhà nước về hộ tịch phải được phát huy vị trí, vai trò tương xứng với sự phát triển của đất nước. Thông qua việc tổ chức quản lý nhà nước về hộ tịch sẽ đánh giá được việc thực hiện chức năng xã hội và bản chất dân chủ của nhà nước.

*Hai là*, Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020:

Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước [12].

Việc đổi mới quản lý nhà nước về hộ tịch phải hiện thực hóa quan điểm nền hành chính quốc gia theo mục tiêu đã đề ra.

*Ba là*, đổi mới căn bản tư duy về một nền hành chính phục vụ. Chuyển từ hành chính tập trung, quan liêu với cơ chế “xin - cho” phổ biến sang nền hành chính phục vụ là cả một cuộc cách mạng nhằm xóa bỏ thói cửa quyền, phiền hà, sách nhiễu, đặc biệt là hời hợt trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hộ tịch của các cơ quan quản lý nhà nước.

*Bốn là*, các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, quy hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp huyện và cấp xã phải được trang bị. Đây cũng là tiền đề tạo điều kiện cho cấp tỉnh tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ sở.

*Năm là*, bảo đảm tính kế thừa các yếu tố tích cực tiến bộ trong quản lý nhà nước về hộ tịch, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước có

hệ thống đăng ký hộ tịch hoàn chỉnh để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

***Quan điểm chỉ đạo này hàm chứa những khía cạnh cụ thể dưới đây:***

- Tiếp tục xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, chất lượng, bảo đảm thực thi bảo vệ quyền con người, quyền nhân thân đáp ứng phục vụ tốt các quyền của người dân. Đồng thời tổ chức thực hiện quản lý bằng pháp luật góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch.

- Tất yếu đòi hỏi phải chuyển từ nền hành chính “cai trị” sang nền hành chính “dịch vụ” phục vụ nhân dân để đáp ứng các điều kiện trong nền kinh tế thị trường hoạt động năng động. Về nguyên tắc, chỉ có thể xây dựng nền hành chính dân chủ cao trên nền hành chính pháp quyền vững mạnh và cũng chỉ có thể xây dựng nền hành chính phát triển trên nền hành chính pháp quyền vững chắc. Bên cạnh đó phải mở rộng tính dân chủ và tính công khai trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Khắc phục sự tùy tiện, lạm quyền, cửa quyền, quan liêu, xa dân, đặc quyền, đặc lợi, quản lý thiếu tập trung, vi phạm dân chủ. Cải cách hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân trong đăng ký hộ tịch theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ thông suốt từ Trung ương đến cơ sở; đội ngũ cán bộ công chức Tư pháp hộ tịch phải bảo đảm tính chuyên môn hóa cao; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có sự phân cấp quản lý cụ thể, rõ ràng không chồng chéo giữa các ngành, các cấp.

- Vận dụng, áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới vào quản lý hộ tịch, bao gồm cả quản lý tổ chức bộ máy và quản lý các sự kiện hộ tịch đã được đăng ký.

Tóm lại, quản lý nhà nước về hộ tịch là một dạng của quản lý hành chính nên phải cần đến 3 yếu tố cốt lõi đó là: tổ chức, nhân sự và thủ tục điều hành. Tổ chức có hợp lý, nhân viên có sử dụng đúng khả năng và tiêu chuẩn, thủ tục điều hành có đơn giản thì quản lý mới có hiệu quả [41, tr.296].

### **3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch ở tỉnh An Giang**

#### ***3.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành quản lý nhà nước của chính quyền các cấp***

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý được thể hiện rõ tại Điều 4 Hiến pháp 2013. Nguyên tắc này lý giải về vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng thể hiện vai trò tiên phong và đường lối đúng đắn bằng nhiều hình thức cũng như phương pháp lãnh đạo của mình thông qua những đường lối, chủ trương, chính sách đối với các lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước khác nhau. Đồng thời, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc trưng đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong quản lý hành chính nhà nước thể hiện trong công tác tổ chức cán bộ, bao gồm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng bổ nhiệm cán bộ. Đảng lãnh đạo thông qua uy tín và vai trò gương mẫu của các tổ chức Đảng và đảng viên trong việc nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của nhà nước và thông qua việc nhân dân tham gia quản lý nhà nước.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện rất rõ ngay tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đề ra mục tiêu:

Đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế với định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp; Xác định đúng, đủ quyền năng và trách nhiệm pháp lý cho từng cơ quan, chức danh tư pháp và giải pháp kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy giúp việc cho Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành trong công tác xây dựng pháp luật. Củng cố bộ phận pháp chế các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, công chức làm công tác pháp luật... tập

trung bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ pháp chế các bộ, ngành [7].

Bên cạnh đó, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của cải cách hành chính ở nước ta còn được đề cập trong các văn kiện Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, Hội nghị Trung ương 3 và 7 khóa VIII, trong các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX và X. Hội nghị Trung ương 8 khóa VII xác định cải cách nền hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước đã đề ra mục tiêu: xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực, hiệu quả công việc của nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội. Nền hành chính trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước có chức năng trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp và nghị quyết của Quốc hội. Thực tiễn cho thấy, có chính sách và pháp luật đúng chưa đủ, cần phải có nền hành chính mạnh, có hiệu lực thì chính sách và luật pháp mới đi vào cuộc sống. Hơn nữa, trong quá trình tổ chức thực hiện nền hành chính còn góp phần tích cực vào việc bổ sung, phát triển chính sách, pháp luật. Các cơ quan hành chính là các cơ quan trực tiếp xử lý công việc hằng ngày của nhà nước, thường xuyên tiếp xúc với dân giải quyết các yêu cầu của dân, là cầu nối quan trọng giữa Đảng, Nhà nước với dân, nhân dân đánh giá chế độ, đánh giá Đảng trước hết là thông qua hoạt động của bộ máy hành chính.

Cải cách hành chính ngoài yêu cầu của đổi mới phát triển đất nước, công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng nền kinh tế thị trường mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, cải cách nền hành chính còn do yêu cầu bức xúc của người dân: không muốn bị phiền hà, sách nhiễu; được pháp luật bảo vệ... Nền hành chính có trách nhiệm chính trong việc đáp ứng yêu cầu đó. Không phải ngẫu nhiên Trung ương Đảng đưa ra mục tiêu, nhiệm vụ của cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính dân chủ phục vụ đắc lực nhân dân; cải cách hành chính là để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với tổ chức và nhân dân. Đây là vấn đề liên quan đến bản chất của nền hành chính nhà nước ta - Nền hành chính trong nhà nước

pháp quyền của dân, do dân và vì dân, nhân dân là chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực nhà nước.

Tổng kết thực tiễn cho thấy, ở địa phương nào có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, sâu sát, sự kiểm tra thường xuyên của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp thì ở địa phương đó, lĩnh vực đó sẽ sớm ổn định và hoạt động có hiệu quả. Ở An Giang, trước khi Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác tổ chức cán bộ thì đội ngũ cán bộ Tư pháp cấp huyện, cấp xã còn thiếu rất nhiều, thậm chí bố trí cả những người không được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác Tư pháp. Sau khi Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác Tư pháp nói chung và công tác tổ chức bộ máy nói riêng, số lượng cán bộ Tư pháp hộ tịch cấp xã được tăng lên (năm 2011 là 274 biên chế và đến 06 tháng năm 2016 là 307 biên chế).

Vi vậy, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng để tác động đến sự điều hành quản lý nhà nước của chính quyền các cấp là hết sức cần thiết. Giải pháp quan trọng đầu tiên và có tính chất quyết định đến việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng không chỉ dừng lại ở việc ban hành các Nghị quyết mà còn thông qua công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện để nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc giúp chính quyền cơ sở tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hộ tịch.

### ***3.3.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hộ tịch***

Hạn chế lớn nhất trong thể chế về hộ tịch hiện nay là các quy phạm đã được nâng lên thành Luật nhưng quy định trong Luật vẫn còn phức tạp, khó áp dụng đối với người dân và cả cơ quan đăng ký hộ tịch. Quy định trong Luật vẫn chưa đầy đủ phải cần đến Nghị định, Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành, hai loại văn bản này thì hiệu lực điều chỉnh lại không cao. Trên thực tế, quản lý nhà nước về hộ tịch có vai trò quan trọng đối với quản lý dân cư cũng như quản lý nhà nước và xã hội. Tuy Luật hộ tịch đã phân cấp công tác đăng ký hộ tịch cho chính quyền cơ sở, nhưng sự phân cấp này vẫn chưa triệt để. Hiện nay vẫn tồn tại

02 cấp (huyện, xã) có thẩm quyền đăng ký hộ tịch; thậm chí, có những việc hộ tịch (ghi chú thay đổi về hộ tịch của công dân Việt Nam ở nước ngoài) Bộ Tư pháp phải cho ý kiến trước, rồi địa phương mới giải quyết. Cách giải quyết này cho thấy sự chồng chéo trong phân cấp quản lý dẫn đến tình trạng nhiều địa phương chỉ chú ý đến nhiệm vụ đăng ký, không quan tâm đến nhiệm vụ quản lý hộ tịch. Hệ lụy kéo theo là thiếu thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác đăng ký hộ tịch. Ở địa phương vẫn còn tình trạng, một sự kiện hộ tịch của một cá nhân lại được đăng ký ở nhiều địa phương, nhiều cấp khác nhau dẫn đến tình trạng các dữ liệu hộ tịch bị phân tán, cơ quan đăng ký không quản lý được dữ liệu hộ tịch của cá nhân dẫn đến việc chính quyền địa phương không nắm được sự biến động về hộ tịch. Hầu hết các địa phương hiện nay đã được Sở Tư pháp trang bị phần mềm hộ tịch nhưng địa phương vẫn chưa khai thác tối đa các ứng dụng của nó do việc chấp vá, thiếu đồng bộ, chưa được nối mạng liên thông giữa địa phương này với địa phương khác, giữa cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên và cơ quan đăng ký cấp dưới.

Từ những hạn chế, bất cập trên đã làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, làm giảm hiệu quả công tác quản lý dân cư, quản lý nhà nước và xã hội. Vì vậy mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật về hộ tịch đòi hỏi phải có tính thống nhất và đồng bộ. Hệ thống pháp luật được coi là thống nhất đồng bộ khi các bộ phận cấu thành hệ thống không trùng lặp, chồng chéo và mâu thuẫn với nhau.

Mặt khác, Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện, đáp ứng những yêu cầu về tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm đầy đủ các quyền của công dân và mở rộng dân chủ trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Vì vậy, xây dựng một hệ thống pháp luật về hộ tịch hoàn thiện là đòi hỏi và cũng là điều kiện của nhà nước pháp quyền. Không thể có nhà nước pháp quyền ở bất cứ một quốc gia nào, nếu như ở đó nhà nước chưa được tổ chức và hoạt động trên nền tảng của một hệ thống pháp luật có thể bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hộ tịch sẽ góp phần nâng tầm công tác quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay theo hướng hiện đại, góp phần giải quyết một cách toàn diện các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý hộ tịch như: việc ứng dụng công nghệ thông tin, xác lập hệ thống dữ liệu hộ tịch, cơ chế quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý kinh tế xã hội.

### ***3.3.3. Kiện toàn bộ máy và phối hợp trong quản lý nhà nước về hộ tịch***

Cần kiện toàn, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch, thường xuyên rà soát, bồi dưỡng và thay thế để cho đội ngũ này thực sự là cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt. Việc không ngừng kiện toàn tổ chức bộ máy đăng ký, quản lý hộ tịch và nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xuất phát từ vai trò, ý nghĩa của công tác cán bộ, của chính quyền tỉnh An Giang nói chung và vai trò của công chức Tư pháp - Hộ tịch nói riêng đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; xuất phát từ thực trạng của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch tỉnh An Giang hiện nay và yêu cầu phải nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng yêu cầu về số lượng nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch trong tình hình mới.

Đến nay, Luật Hộ tịch 2014 đã có hiệu lực. Tuy nhiên qua thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch ở tỉnh An Giang, vẫn còn một số vướng mắc cụ thể về việc phân cấp thẩm quyền, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký toàn bộ các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

Thực tế trong những năm qua, thực hiện việc phân cấp quản lý của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và cho đến khi Luật hộ tịch có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 cũng chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Chẳng hạn, trước đây nếu đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài thì người dân phải đến Sở Tư pháp nộp hồ sơ và Sở Tư pháp xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định, thì đến nay theo quy định của Luật Hộ tịch phân cấp thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch cấp huyện mới tiếp cận nghiệp vụ này còn bỡ ngỡ nên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới dẫn đến việc giải quyết đã có nhiều sai sót, gây phiền hà cho người dân. Việc giao



Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký toàn bộ các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài chắc chắn nhiều địa phương, trong đó có tỉnh An Giang đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.

Chỉ đề cập đến 2 yếu tố, đó là công chức Tư pháp hộ tịch cấp huyện và phương tiện làm việc cũng đã quá khó khăn. Bởi vì, hiện nay Phòng Tư pháp cấp huyện phải thực hiện 26 đầu công việc theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 nhưng biên chế chỉ có từ 4-5 người và phải phân công 01 chuyên viên giúp việc và 01 lãnh đạo Phòng Tư pháp phụ trách mảng hộ tịch, 02 công chức này lại phải thực hiện 08 công việc: đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; đăng ký giám hộ; đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc ; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký khai tử, trích lục hộ tịch. Trong khi trước đây công việc này là của cả 01 một Phòng Hành chính Tư pháp thuộc Sở Tư pháp có từ 6-8 biên chế thực hiện. Chính vì áp lực công việc nên việc đăng ký hộ tịch có nhiều sai sót nguyên nhân chính do cùng lúc cán bộ Tư pháp hộ tịch phải thực hiện quá nhiều việc. Và cũng vì nhiều việc nên không có thời gian nghiên cứu kỹ hồ sơ, không cập nhật kịp thời và không nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật làm căn cứ giải quyết; không xác minh làm rõ các vấn đề nghi vấn hoặc chưa rõ. Quá trình giải quyết cũng vì áp lực thời gian nên hành tụt cầu thả dẫn đến sai sót.

Hơn nữa trụ sở của các Phòng Tư pháp cấp huyện thuộc tỉnh An Giang do điều kiện phát triển kinh tế xã hội vùng miền khác nhau nên không phải nơi nào cũng khang trang tập trung vào khu Hành chính huyện để đủ uy nghiêm, tạo cảm giác tôn trọng, nghiêm túc ban đầu cho người dân, nhất là người nước ngoài đến đăng ký hộ tịch. Chưa nói đến việc giấy tờ do nước ngoài cấp cũng sẽ là thử thách cho cán bộ Tư pháp hộ tịch thuộc tỉnh An Giang nhất là những huyện, xã thuộc vùng núi có đồng bào dân tộc ít người sinh sống không có trình độ chuyên môn về ngoại ngữ, khi cần phải thông qua cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.

Vì vậy, theo tác giả cần giao thêm biên chế cho Phòng Tư pháp cấp huyện và đào tạo thêm về trình độ ngoại ngữ ngoài trình độ chuyên môn là Cử nhân Luật cho cán bộ Tư pháp hộ tịch cấp huyện trên cả nước nói chung và của tỉnh An Giang nói riêng.

*Thứ nhất*, cần tăng cường bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ, cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã.

Ở tỉnh An Giang hiện có 183 công chức có trình độ Đại học/ Cao đẳng Luật, 79 công chức có trình độ Trung cấp Luật và 83 công chức có trình độ khác. Theo quy định của điều 38 Luật hộ tịch 2014 thì cán bộ Tư pháp hộ tịch phải có đủ các tiêu chuẩn của cán bộ công chức cấp xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và phải có thêm các tiêu chuẩn sau đây: có bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên; được bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác hộ tịch; chữ viết rõ ràng.

Như vậy, so với quy định hiện hành về tiêu chuẩn công chức cấp xã, thì đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch cấp xã ở tỉnh An Giang cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo. Tuy nhiên, đó mới chỉ là tiêu chuẩn về bằng cấp, chất lượng đào tạo và chuyên môn vẫn là điều đáng lo ngại. Dù loại hình đào tạo nào và trình độ đào tạo ở mức nào, thì những kiến thức có được từ nhà trường cũng chỉ trang bị cho người học phương pháp luận và cách tiếp cận vấn đề cần giải quyết nhiều hơn là vấn đề đó được giải quyết như thế nào là đúng đắn và hiệu quả. Hơn nữa các sự kiện hộ tịch rất sinh động, diễn ra hàng ngày, hàng giờ, biểu hiện rất phong phú đa dạng và nhiều trường hợp mang tính cụ thể nên cơ quan Tư pháp cấp trên phải thường xuyên tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ. Tuy nhiên do cán bộ Tư pháp hộ tịch phải kiêm nhiệm quá nhiều việc nên hàng năm Sở Tư pháp, phòng Tư pháp tỉnh An Giang đã tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ nhưng cũng chỉ giới hạn trong khoảng thời gian 1-2 ngày/lớp. Kiến thức mới về quản lý nhà nước và kỹ năng nghiệp vụ hành chính chưa được tập huấn, bồi dưỡng nhiều.

*Thứ hai*, không ngừng bồi dưỡng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa công sở, văn hóa ứng xử cho công chức.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch và những người có thẩm quyền giải quyết công việc của dân phải là những người gương mẫu, tự giác trong chấp hành pháp luật, phải thực sự là những người công tâm, chuẩn xác, làm việc khoa học, mang tính chuyên nghiệp cao; phải tạo điều kiện thuận lợi cho dân để thu hút nhân dân với tư cách là “khách hàng” đến ngày càng đông. Đối với những vùng điều kiện đi lại khó khăn hoặc vì lý do khách quan khác công chức Tư pháp - Hộ tịch phải tìm đến dân chứ không phải ngồi chờ dân đến. Phải biết lắng nghe ý kiến góp ý, trao đổi của dân. Phải tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện quyền của mình nói chung và trong lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch nói riêng, phải thực sự là “công bộc” của dân. Có như vậy mới thực sự làm cho dân tin, thu hút đông đảo nhân dân tham gia quản lý hộ tịch, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch mới được nâng cao.

*Thứ ba*, phải đổi mới quy trình, chế độ tuyển dụng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

Hội đồng thi tuyển công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã phải có đại diện cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch cấp huyện tham gia. Nội dung thi tuyển ngoài hiểu biết pháp luật nói chung, cần coi trọng kiểm tra, sát hạch về kỹ năng xử lý tình huống. Mặc dù hướng đến tin học hóa quản lý hộ tịch nhưng cũng cần xem xét chữ viết đẹp, rõ ràng cũng là một trong những tiêu chuẩn của những người dự tuyển. Việc tuyển dụng phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai, khuyến khích nhưng cần đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.

*Thứ tư*, thường xuyên giáo dục tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở trong thi hành công vụ.

Thực hiện nghiêm túc chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp do buông lỏng quản lý mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực; công chức Tư pháp - Hộ tịch phải chịu trách nhiệm về tình trạng đăng ký không kịp thời các sự kiện hộ tịch phát sinh trên địa bàn. Thường xuyên kiểm tra sát hạch kỹ năng giải quyết công việc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức Tư pháp hộ tịch qua từng năm, đồng thời cần có chế độ chính sách phù hợp, thỏa đáng cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

*Thứ năm*, tăng cường mối quan hệ giữa các chủ thể có trách nhiệm trong quản lý hộ tịch.

Tiếp tục củng cố mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan; ban hành quy chế phối hợp để bảo đảm tính kết nối, liên thông giữa các cơ quan quản lý hộ tịch với các cơ quan khác có liên quan trong quản lý và khai thác các thông tin, số liệu về hộ tịch, cụ thể như sau:

- Ngành Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch. Tập trung phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, cán bộ và nhân dân trong toàn tỉnh dưới nhiều hình thức. Từ đó, tạo sự chuyển biến về ý thức tôn trọng và chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch trong các cơ quan nhà nước, cán bộ và nhân dân toàn tỉnh.

Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể có liên quan nhằm xác minh làm rõ vấn đề cần giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về công tác hộ tịch đảm bảo đúng pháp luật, tạo điều kiện giải quyết nhanh chóng, thuận lợi các công việc, yêu cầu của dân.

- Ngành Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với ngành Tư pháp tiến hành rà soát thực trạng đội ngũ công chức Tư pháp; tham mưu cho Ủy ban nhân dân kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác Tư pháp. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch; thay thế, bố trí những người có năng lực, trình độ đạt tiêu chuẩn theo quy định để đảm nhiệm công việc.

- Ngành Tài chính:

Đảm bảo cân đối ngân sách để bố trí kinh phí cho việc cung cấp sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch, trang bị cơ sở vật chất từng bước hiện đại hóa để phục vụ cho việc đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo:

Tăng cường tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hộ tịch trong toàn ngành đối với từng đối tượng học sinh, sinh viên, giáo viên và cán bộ, công chức trong ngành.

- Ngành Công an, Tòa án nhân dân và các sở, ban, ngành khác:

Các Sở, ban, ngành của tỉnh, đặc biệt là các ngành có liên quan tới các quy trình giải quyết công việc liên quan đến hồ sơ, giấy tờ của cá nhân như: Công an, Tòa án, Lao động-Thương binh và xã hội, Bảo hiểm xã hội... có trách nhiệm quán triệt, nghiên cứu kỹ các quy định về hộ tịch. Không tự đặt ra quy định yêu cầu mà pháp luật hộ tịch không có quy định như yêu cầu cá nhân phải tiến hành thủ tục cải chính hộ tịch trong trường hợp có sự khác biệt giữa giấy tờ, hồ sơ của cá nhân với giấy khai sinh.

Trong giải quyết công việc, khi cơ quan, tổ chức cần xác minh, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân được điều chỉnh các giấy tờ, hồ sơ cá nhân theo đúng nội dung của giấy khai sinh đảm bảo quy định. Giấy khai sinh là giấy tờ gốc của cá nhân các thông tin trong hồ sơ và giấy tờ của cá nhân phải phù hợp với giấy khai sinh của cá nhân, mọi quy trình giải quyết công việc liên quan đến giấy tờ, hồ sơ cá nhân đều phải dựa trên cơ sở giấy khai sinh của cá nhân.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức, đoàn thể:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang ra đời ngày 20/12/1960 với tiền thân là Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hiện nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang hoạt động theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với một trong những vai trò, nhiệm vụ chủ đạo là *“Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật”*. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, thường xuyên các quy định pháp luật về hộ tịch để không ngừng nâng cao nhận thức và ý thức tự chấp hành pháp luật về hộ tịch cho cán bộ, nhân dân.

- Đài Truyền hình:

Đài truyền hình An Giang là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Trong nội dung hoạt động của mình, Đài Truyền hình An Giang đã phối hợp với ngành Tư pháp trong việc thực hiện, triển khai pháp luật về hộ tịch thông qua Đài Truyền thanh, truyền hình đến với người dân trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong thời gian tới cần sắp xếp thời lượng trong chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật hợp lý, phát sóng vào khung giờ phù hợp để người dân có thể dễ dàng tiếp nhận được các thông tin về đăng ký và quản lý hộ tịch.

#### ***3.3.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hộ tịch***

Trong những năm gần đây, việc cải cách hành chính trong lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch rất được quan tâm và đã tạo được nhiều chuyển biến quan trọng, đặc biệt là về thủ tục đăng ký hộ tịch. Tuy nhiên trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa công tác này. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền đăng ký các sự kiện hộ tịch trong nước. Còn Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Không nên quy định như pháp luật hiện hành là thay đổi cải cách hộ tịch cho người dưới 14 tuổi thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp xã, nếu là người từ 14 tuổi trở lên, thì thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hiện nay, việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại các xã, phường, thị trấn vẫn được thực hiện bằng hình thức thủ công, chủ yếu do cán bộ Tư pháp hộ tịch viết tay trực tiếp vào các sổ đăng ký và biểu mẫu hộ tịch nên mất nhiều thời gian, công sức, đồng thời gây khó khăn cho cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý, tra cứu, xác minh và xử lý về đặc điểm nhân thân và tình trạng hiện tại của người dân. Mặt khác, chúng ta biết rằng, cơ sở dữ liệu hộ tịch là kết quả của hoạt động đăng ký hộ tịch. Cơ sở dữ liệu hộ tịch có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với hoạt động quản lý hộ tịch và quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực. Đến thời điểm hiện nay ở nước ta cơ sở dữ liệu hộ tịch chủ yếu là bằng giấy. Do đó việc tin học hóa đăng ký và quản lý hộ tịch, xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch, xây dựng hệ thống thông tin quản lý hộ tịch điện tử cần phải nhanh chóng thực hiện, giúp xây dựng mô hình quản lý khép

kín từ lúc tiếp nhận (đầu vào) đến lúc kết thúc (đầu ra) một cách khoa học, chính xác. Việc tin học hóa thực hiện kết nối liên thông không chỉ quản lý đơn thuần về mặt sổ sách, người dân cũng được sử dụng nhiều tiện ích khi đăng ký hộ tịch qua mạng. Sau khi đăng ký hộ tịch, người dân chỉ cần nhận bản sao các giấy tờ hộ tịch qua mạng. Còn các cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ việc lưu hồ sơ gốc thông qua hệ thống mạng điện tử và hệ thống sổ hộ tịch, sẽ giảm bớt việc báo cáo, chuyển số liệu từ cấp dưới lên cấp trên. Đó là chưa kể đến những tiện ích khác khi hệ thống này giúp việc kết nối, lấy thông tin dữ liệu dễ dàng phục vụ nhiệm vụ công tác của các cơ quan quản lý Nhà nước. Tuy nhiên để thực hiện tin học hóa đòi hỏi phải có sự quyết tâm chính trị cao của cấp ủy, chính quyền địa phương. Phải xây dựng đề án riêng với những lộ trình và bước đi thích hợp. Phải huy động nguồn lực của toàn xã hội, của cả trong nước và nước ngoài. Không chỉ quan tâm đến phương tiện kỹ thuật hiện đại mà quan trọng hơn là đào tạo đội ngũ công chức có trình độ để ứng dụng sáng tạo và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật đó. Trước mắt chưa thể kết nối liên thông trong toàn quốc, thì cần phải thực hiện kết nối ở 3 cấp, một cấp quản lý (đó là cấp tỉnh) và hai cấp đăng ký (đó là cấp huyện và cấp xã) nhằm tạo thành một hệ thống thông tin liên thông về hộ tịch trong toàn tỉnh, góp phần phục vụ người dân tốt hơn nhờ rút ngắn thời gian giải quyết công việc, trao đổi thông tin chính xác, nhanh chóng, khắc phục tình trạng tản mạn của thông tin, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hộ tịch.

Cơ sở dữ liệu về hộ tịch cần được xây dựng song song và cơ quan có thẩm quyền có thể kết nối với các cơ sở dữ liệu khác như: hộ khẩu, chứng minh nhân dân, học bạ, văn bằng chứng chỉ; bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, mã số thuế cá nhân, lý lịch tư pháp, quốc tịch, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; hồ sơ Đảng viên... đồng thời với duy trì, củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu bằng Sổ, bằng giấy.

### ***3.3.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về hộ tịch cho cán bộ và nhân dân***

Đây là nhiệm vụ cần được thực hiện thường xuyên thực hiện. Bởi An Giang là tỉnh có các huyện miền núi với 5,17% người dân tộc thiểu số trên tổng dân số

toàn tỉnh. Cho nên thực tế cho thấy trình độ dân trí của 5,17% cư dân này tuy được chính quyền quan tâm không ngừng nâng cao song do là huyện miền núi nên nhận thức của đại bộ phận dân cư nhất là đối với vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế về tập tục, lối sống lạc hậu cũng như điều kiện đi lại khó khăn để có thể tiếp cận được với những điểm tuyên truyền pháp luật địa phương. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang. Vì vậy trước hết phải giáo dục cho người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật về đăng ký quản lý hộ tịch.

Đăng ký hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn nói riêng là quyền và nghĩa vụ của công dân. Không những thế quyền khai sinh và được khai sinh cho trẻ em còn là quyền được quy định tại Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia. Các sự kiện hộ tịch được đăng ký đầy đủ, kịp thời, chính xác là thước đo mức độ tự giác, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân và cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan nhà nước. Để giáo dục pháp luật có hiệu quả, tỉnh An Giang cần áp dụng phương pháp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế cũng như điều kiện vị trí địa lý của từng vùng miền để tổ chức tuyên truyền phổ biến, cung cấp những vấn đề mà người nghe cần chú không phải nói những gì mà báo cáo viên có. Cần kết hợp giữa tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch và các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan với việc xử lý các hành vi vi phạm, kết hợp giữa giáo dục thuyết phục và cưỡng chế; giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu liên quan đến quản lý hộ tịch, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Kết hợp giữa quản lý nhà nước bằng pháp luật với quản lý bằng quy ước ở khóm, ấp, khu dân cư. Có như vậy ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân mới được nâng cao, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch mới được nâng lên.

***3.3.6. Tăng cường đầu tư cơ sở, vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ và nhân dân thực hiện tốt công tác đăng ký và quản lý hộ tịch***



Thực tế một số cơ quan quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay đang trong điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện làm việc vừa thiếu, vừa lạc hậu, các điều kiện đảm bảo cho hoạt động quản lý hộ tịch còn chưa đáp ứng với yêu cầu cải cách hành chính. Vì vậy, công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc khác cho hoạt động quản lý hộ tịch tại tỉnh An Giang cần phải thực hiện theo hướng như sau:

*Một là*, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đảm bảo cho Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch ở mỗi cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý với lớp cán bộ chuyên trách này;

*Hai là*, tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động quản lý hộ tịch theo kế hoạch dài hạn 3 năm, 5 năm, 10 năm và trong từng năm cụ thể.

*Ba là*, xác định loại, số lượng cụ thể về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động quản lý hộ tịch như: Trụ sở làm việc, kho lưu trữ, phương tiện đi lại, trang thiết bị kỹ thuật v.v...

*Bốn là*, xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí, trang thiết bị, phương tiện hiện đại cho hoạt động quản lý hộ tịch.

Từ những yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc phục vụ hoạt động quản lý hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang, tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể sau:

Đảm bảo được Nhà nước cấp đủ kinh phí để xây dựng trụ sở làm việc cho hoạt động quản lý hộ tịch của tỉnh An Giang, đảm bảo đủ phòng làm việc với đủ trang thiết bị văn phòng cho cán bộ công chức.

Đảm bảo được cung cấp đầy đủ trang thiết bị, phương tiện làm việc tiên tiến, phù hợp tính chất đặc thù của hoạt động quản lý hộ tịch; đảm bảo đủ kinh phí cho hoạt động xác minh, lưu trữ thông tin, dữ liệu hộ tịch của công dân, cho hoạt động phối hợp trong công tác quản lý hộ tịch giữa các cơ quan có liên quan cũng như giữa các địa phương thuộc tỉnh An Giang từ cấp xã tới tỉnh.

Có chế độ chính sách phù hợp cho cán bộ làm công tác quản lý hộ tịch được hưởng như cán bộ nhà công vụ cho cán bộ; đảm bảo chế độ công tác phí, ưu tiên phương tiện giao thông cho cán bộ Tư pháp - Hộ tịch.

### ***Tiểu kết chương 3***

Các chính sách, đường lối nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý hộ tịch đã góp phần xây dựng sự thành công của hoạt động quản lý hộ tịch nói riêng và cải cách hành chính nói chung. Điều đó được chứng minh trong quá trình thực thi pháp luật về quản lý hộ tịch trong thực tiễn với những chuyển biến tích cực mà nó đem lại cho nền hành chính về quản lý hệ thống hộ tịch trên cả nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi vẫn gặp phải những khó khăn nhất định. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết cần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý hộ tịch đối với tỉnh An Giang nói riêng và trên cả nước nói chung.

Trên cơ sở các yêu cầu, phương hướng cơ bản và tương ứng với những hạn chế, bất cập trong thực tiễn về quản lý hộ tịch tại tỉnh An Giang, tác giả đã đưa ra những giải pháp cụ thể để hoàn thiện, đảm bảo thực thi hoạt động cải cách như: Tuyên truyền, pháp luật về quản lý hộ tịch; Nâng cao năng lực thực hiện công vụ của công chức thực hiện quản lý hộ tịch; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hộ tịch, thực hiện thí điểm đăng ký hộ tịch trực tuyến; Tiếp tục triển khai và nhân rộng việc thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” để đơn giản hóa thủ tục hành chính về quản lý hộ tịch.

## KẾT LUẬN

Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở tỉnh An Giang trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả: hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch được củng cố; đội ngũ làm công tác hộ tịch được tăng cường; hệ thống sổ sách, dữ liệu hộ tịch được lưu trữ và sử dụng lâu dài; tỷ lệ đăng ký hộ tịch tăng cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đăng ký hộ tịch từng bước được hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

An Giang đã xác định Quản lý nhà nước về hộ tịch không những đảm bảo quyền lực của Nhà nước được thực thi trong xã hội mà còn là biện pháp đảm bảo quyền và nghĩa vụ của công dân có hiệu quả nhất. Thời gian qua, ở nước ta nói chung và tỉnh An Giang nói riêng đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên về tổng thể công tác quản lý hộ tịch chưa tương xứng với vị trí, vai trò quan trọng vốn có của nó; vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập trong việc chuyển giao thẩm quyền đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài cho cấp huyện.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trong thời gian tới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quan tâm, chỉ đạo các ngành, các cấp khắc phục những tồn tại, bất cập, thực hiện các giải pháp làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của các ngành, các cấp, của toàn xã hội về vị trí, vai trò, bản chất, tầm quan trọng của hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch nhằm đảm bảo phát huy quyền con người, quyền công dân trong quản lý dân cư, quản lý xã hội.

Qua việc nghiên cứu đề tài ***“Quản lý Nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh An Giang”*** đã phần nào làm sáng tỏ cơ sở lý luận quản lý nhà nước về hộ tịch và thực trạng quản lý và đăng ký hộ tịch ở tỉnh An Giang, từ đó luận văn đã đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi để góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở An Giang trong giai đoạn hiện nay và những năm tới./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1992), *Giản yếu Hán Việt từ điển, quyển thượng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Anh (2011), *Các quy định về đăng ký hộ tịch có yếu nước ngoài theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
3. Trương Thị Vân Anh (2015), *Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, thực tiễn ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2007), *Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*.
5. Ban Tuyên huấn Trung ương (1987), *Đề cương giới thiệu Văn kiện Đại hội lần thứ VI*, Nxb Sách giáo khoa Mác - Lê nin, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Bích (2016), *Thẩm quyền đăng ký hộ tịch theo Luật Hộ tịch và vấn đề thực hiện*, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, (số 7), tr. 17-26.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
8. Nguyễn Tài Cẩn (1970), *Từ loại đại từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Chính phủ (1998), *Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch*.
10. Chính phủ (2004), *Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.
11. Chính phủ (2005), *Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký quản lý hộ tịch*.
12. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*.

13. Chính phủ (2012), *Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực.*
14. Chính phủ (2013), *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/4/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bộ trợ Tư pháp, Hôn nhân gia đình, Thi hành án dân sự, Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.*
15. Chính phủ (2015), *Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.*
16. Chính phủ (2015), *Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.*
17. Cục lãnh sự Bộ ngoại giao (2012), *Kinh nghiệm thực tiễn và một số kiến nghị về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, (số 9), tr. 22-25.
18. Cục thống kê tỉnh An Giang (2016), *Niên giám thống kê tỉnh An Giang năm 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Đinh Ngọc Giang (2015), *Quản lý nhà nước về hộ tịch ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, (số 1), tr. 52-56.
20. Lê Thị Minh Hiếu (2013), *Thực hiện pháp luật về hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
21. Hội đồng Chính phủ (1961), *Nghị định số 04-CP ngày 16/01/1961 kèm theo Điều lệ Đăng ký hộ tịch*, Hà Nội.
22. Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang (2010), *Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 về nhiệm vụ Kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015.*
23. Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang (2015), *Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 về nhiệm vụ Kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020.*
24. Nguyễn Công Khanh (2015), *Triển khai thi hành Luật hộ tịch một trong những biện pháp quan trọng bảo đảm thực thi quyền con người theo Hiến pháp năm 2013*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp, (số 4), tr.2-6.

25. Nguyễn Thị Lại (2014), *Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
26. Nguyễn Lâm (1989), *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Dương Bạch Long (2015), *Những Điều cần biết về Đăng ký và quản lý hộ tịch theo Luật hộ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
28. Lê Thị Minh Long (2015), *Một số ý kiến về việc triển khai thi hành Luật hộ tịch*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp, (số 4), tr.29.
29. Trần Đức Lương (2002), *Đổi mới - Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, (số 4, 5), tr.15 – 19.
30. Hùng Phê (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1946), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1959), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp năm 1992*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật cư trú*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật quốc tịch*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

40. Sở Tư pháp tỉnh An Giang (2011 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2011 đến 6 tháng năm 2016*, An Giang.
41. Đinh Văn Thanh (2000), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Ngô Văn Thân (1996), *Các thuật ngữ cơ bản trong Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Trần Thất (1999), *Đăng ký khai sinh theo quy định của Nghị định mới về hộ tịch*, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (số 2), tr 32.
44. Lê Việt Thiện (2013), *Vai trò của công chức Tư pháp - hộ tịch xã trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
45. Thủ tướng Chính phủ (1956), *Nghị định số 764/TTg ngày 8/5/1956 Điều lệ Hộ tịch kèm theo*.
46. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế Một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương*.
47. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2016), *Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình*.
48. Bùi Thị Tư (2014), *Quản lý hộ tịch - Qua thực tiễn ở Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
49. Viện Khoa học Tổ chức nhà nước(1998), *Đạo đức, phong cách, lễ lối làm việc của cán bộ, công chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Viện Nhà nước và Pháp luật (2015), *Báo cáo chuyên đề nhiệm vụ cấp bộ “Đánh giá kết quả của cải cách hành chính và các giải pháp tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính ở nước ta”*, Hà Nội.

51. Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp (2015), *Tổng hợp số số liệu báo cáo thực trạng định hướng và kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng yêu cầu triển khai Luật hộ tịch*, Hà Nội.

52. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.



**Phụ lục 1**  
**Số liệu rà soát đội ngũ công chức Phòng Tư pháp huyện, thị, thành phố**  
**của tỉnh An Giang tính đến tháng 6/2016**

TT	Tên huyện/ thị/ thành phố thuộc tỉnh	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ															Thời gian làm công tác TP			Biên chế	
								Văn hoá			Chuyên môn			Chính trị			Ngoại ngữ		Tin học								
		Nam	Nữ	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	TH		Thạc sĩ	ĐH, CĐ	TCL	ĐH, CD	TCK	Chưa đào tạo	ĐH, Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Dưới 05 năm	Từ 05 đến 10 năm	Trên 10 năm	Công chức	HD LD
								PT	CS																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Huyện Chợ Mới	03	01	01	02	00	01	04	00	00	04	00	00	00	00	01	01	01	00	04	00	04	03	01	00	02	02
2	Huyện Châu Thành	02	04	01	04	00	01	06	00	00	06	00	00	00	00	00	05	00	00	06	00	06	05	01	00	05	01
3	Huyện Châu Phú	01	03	00	03	00	01	04	00	00	03	00	01	00	00	00	04	00	00	04	01	03	01	02	01	04	00
4	Huyện Phú Tân	05	02	02	01	02	02	07	00	00	06	00	01	00	00	01	03	03	00	05	00	06	04	02	01	05	02
5	Huyện An Phú	03	03	00	02	04	00	06	00	00	05	01	00	00	00	02	02	00	00	05	00	05	03	02	01	05	01
6	Huyện Thoại Sơn	06	02	03	01	03	01	08	00	00	07	01	00	00	00	00	01	02	00	01	00	01	03	02	03	06	02
7	Huyện Tịnh Biên	04	01	01	02	00	02	05	00	00	05	00	00	00	00	02	02	01	00	02	00	02	03	02	00	04	01
8	Huyện Tri Tôn	02	02	01	01	01	01	04	00	00	04	00	00	00	00	02	01	01	00	04	00	04	01	03	00	03	01
9	Thị xã Tân Châu	01	03	02	01	00	01	04	00	00	03	00	01	00	00	01	01	01	00	04	00	04	02	02	00	02	02
10	TP. Long Xuyên	05	03	03	04	00	01	08	00	00	08	00	00	00	00	00	03	05	00	07	01	06	03	02	03	05	03
11	TP. Châu Đốc	02	04	01	04	00	01	06	00	01	05	00	00	01	00	01	03	01	00	06	00	06	03	00	03	04	02
	<b>Tổng cộng</b>	<b>34</b>	<b>28</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>8</b>	<b>13</b>	<b>62</b>	<b>00</b>	<b>01</b>	<b>56</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>01</b>	<b>00</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>00</b>	<b>48</b>	<b>02</b>	<b>47</b>	<b>31</b>	<b>19</b>	<b>12</b>	<b>45</b>	<b>17</b>

Nguồn: [40].

**Phụ lục 2**  
**Số liệu rà soát đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch xã, phường, thị trấn**  
**của tỉnh An Giang tính đến tháng 6/2016**

TT	Tên huyện/ thị/ thành phố thuộc tỉnh	Tổng số Xã /Phường /Thị trấn	Tổng số công chức	Số xã có 2 công chức	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ												Thời gian làm công tác TP					
					Nam	Nữ	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	Văn hoá		Chuyên môn			Chính trị			Ngoại ngữ		Tin học		Dưới 05 năm	Từ 05 đến 10 năm	Trên 10 năm			
											TH PT	TH CS	Luật	Khác	Chưa đào tạo	ĐH, Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ						
					13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28								
1	Huyện Chợ Mới	18	36	18	21	15	07	19	07	03	36	00	00	16	14	05	07	00	00	17	07	00	18	00	26	18	12	06
2	Huyện Châu	13	26	13	13	13	07	16	03	00	26	00	00	23	00	02	03	00	00	09	07	00	19	00	23	12	12	02
3	Huyện Châu Phú	13	25	12	16	09	06	14	04	01	25	00	00	04	17	08	05	00	00	13	10	00	23	01	24	16	06	03
4	Huyện Phú Tân	18	35	17	19	16	06	26	03	00	35	00	00	24	11	04	04	00	00	21	06	00	33	00	35	15	13	07
5	Huyện An Phú	14	27	13	15	12	10	14	02	01	26	01	00	21	03	00	03	00	00	11	16	00	27	00	27	14	12	01
6	Huyện Thoại Sơn	17	31	14	15	16	16	12	03	00	31	00	00	09	10	05	08	00	00	06	10	00	27	00	28	21	07	03
7	Huyện Tịnh Biên	14	29	13	24	05	04	19	05	01	29	00	00	17	05	03	04	00	00	19	04	00	23	00	25	18	09	02
8	Huyện Tri Tôn	15	30	15	20	10	04	23	01	02	28	02	00	21	06	02	00	00	00	15	05	00	25	00	26	16	09	05
9	Thị xã Tân Châu	14	28	12	16	12	03	19	05	01	28	00	00	16	05	03	07	00	00	07	11	00	19	00	22	23	04	01
10	TP. Long Xuyên	13	26	13	09	17	04	14	06	02	26	00	00	19	07	03	02	00	00	19	04	00	18	00	19	16	5	05
11	TP. Châu Đốc	07	14	06	09	05	02	08	04	00	14	00	00	13	01	00	00	00	00	13	00	00	14	00	14	07	02	05
	<b>Tổng cộng</b>	<b>156</b>	<b>307</b>	<b>146</b>	<b>177</b>	<b>130</b>	<b>69</b>	<b>184</b>	<b>43</b>	<b>11</b>	<b>304</b>	<b>03</b>	<b>00</b>	<b>183</b>	<b>79</b>	<b>35</b>	<b>48</b>	<b>00</b>	<b>00</b>	<b>150</b>	<b>80</b>	<b>00</b>	<b>246</b>	<b>01</b>	<b>269</b>	<b>176</b>	<b>91</b>	<b>40</b>

Nguồn: [40].

**Phụ lục 3:** Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang từ năm 2011 đến tháng 6/2016

Sự kiện hộ tịch  <b>Năm</b>	Khai sinh					Khai tử					Đăng ký lại khai sinh (người)	Kết hôn (người)	Nuôi con nuôi (người)
	Số người sinh ra trong năm	Đăng ký đúng hạn	Đăng ký quá hạn	Tỷ lệ (%)		Số người chết thực tế trong năm	Đăng ký đúng hạn	Đăng ký quá hạn	Tỷ lệ (%)				
				Đúng hạn	Quá hạn				Đúng hạn	Quá hạn			
2011	31.290	19.034	12.256	60,83	39,17	11.830	5.377	6.453	45,45	54,56		16.676	
2012	45.196	26.624	18.572	58,90	41,10	15.717	7.901	7.816	50,27	49,73		21.421	
2013	48.472	32.727	15.745	67,52	32,48	16.871	8.643	8.228	51,23	48,77		22.462	54
2014	38.631	26.604	12.027	68,87	31,13	17.866	10.788	7.078	60,38	39,62	1.738	20.462	46
2015	39.346	26.030	13.316	66,16	33,84	15.074	9.167	5.907	60,81	39,18	1.742	15.302	46
Tháng 6/2016	20.019	13.357	6.662	66,72	33,28	9.152	4.302	4.850	47,00	53,00	1.379	8.270	08
<b>Trung bình</b>				<b>64,83</b>	<b>35,17</b>				<b>52,52</b>	<b>47,48</b>			

Nguồn: [40]

**Phụ lục 4:** Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp (2011-2015) và tại Phòng Tư pháp cấp huyện (6 tháng đầu năm 2016)

Sự kiện hộ tịch  <b>Năm</b>	Khai sinh					Khai tử					Kết hôn				
	Số người đăng ký trong năm	Giới tính		Tỷ lệ (%)		Số người đăng ký trong năm	Giới tính		Tỷ lệ (%)		Số người đăng ký trong năm	Giới tính		Tỷ lệ (%)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ		Nam	Nữ	Nam	Nữ		Nam	Nữ	Nam	Nữ
2011	115	55	60	47,83	52,17	12	08	04	66,67	33,33	271	17	254	6,27	93,73
2012	78	41	37	52,56	47,44	09	06	03	66,67	33,33	280	18	262	6,43	93,57
2013	94	51	43	54,25	45,75	15	05	10	33,33	66,67	123	09	114	7,32	92,68
2014	104	44	60	42,30	57,70	11	00	11	00	100,0	315	13	302	4,12	95,88
2015	88	49	39	55,68	44,12	10	05	05	50,00	50,00	263	21	242	7,98	92,02
Tháng 6/2016	30	14	16	46,67	53,33	05	03	02	60,00	40,00	99	25	74	25,26	74,74

Nguồn: [40]